



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	6
4. Định hướng phát triển:	12
5. Các rủi ro:	13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	14
2. Tổ chức và nhân sự	16
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
4. Tình hình tài chính	26
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	27
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	29
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH :	38
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	38
2. Tình hình tài chính:	39
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	40
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	40
5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán	41
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.	41
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	42
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	42
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành công ty	42
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	42
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:	43
1. Hội đồng quản trị:.....	43
2. Ban kiểm soát:	45
3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát:	46
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	47

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100858
- Vốn điều lệ: 728.800.000.000,VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 728.800.000.000,VND
- Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội
- Số điện thoại: 0243.8756889
- Số fax: 0243.8756884
- Website: hanoiplastics.com.vn
- Mã cổ phiếu: **NHH**
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- + Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xi nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội;
- + Ngày 10/8/1993, Xi nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội;
- + Ngày 08/8/2005, Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội theo Quyết định số 126/2005/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội;
- + Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới Công ty Nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2007-2010, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/9/2008 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007 Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- + Ngày 30/10/2008, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với Vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng, trong đó Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 81,71% vốn điều lệ;

- + Ngày 25/4/2017 Công ty trở thành công ty đại chúng (theo công văn số 2233/UBCK-GSDC ngày 25/4/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước);
- + Ngày 08/9/2017 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- + Ngày 12/12/2019 cổ phiếu NHH đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).
- + Ngày 13/12/2017 UBND Thành phố Hà Nội - Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom.
- + Ngày 13/02/2019, Công ty phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng.
- + Ngày 12/08/2019, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng.
- + Ngày 03/12/2020 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 364.400.000.000 đồng.
- + Ngày 03/6/2022 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 36.440.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 728.800.000.000 đồng.
- + Ngày 21/12/2017 Công ty TNHH một thành viên Cadivi Đồng Nai trở thành nhà đầu tư lớn của NHH chiếm 21,89%/VĐL và đến ngày 11/7/2018 thị tỷ lệ nắm giữ được nâng lên thành 51,86%/VĐL, đến ngày 27/11/2018 Công ty TNHH một thành viên Cadivi Đồng Nai đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu tại NHH và không còn là cổ đông của NHH.
- + Ngày 27/11/2018 Công ty CP Tập đoàn An phát Holdings thực hiện giao dịch mua 3.200.000 cổ phiếu của NHH và chính thức trở thành cổ đông lớn của NHH (chiếm 49,23%/VĐL). Từ ngày 06/11/2019 đến 08/11/2019 Công ty CP tập đoàn An phát Holdings thực hiện giao dịch mua thêm 2.200.000 cổ phiếu của NHH và chính thức trở thành công ty mẹ của NHH (chiếm 55,17%/VĐL). Ngày 27/7/2021 Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 666.421 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 18.336.946 cổ phiếu (chiếm 50,32%). Ngày 31/12/2021 Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 1.800.000 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 16.536.946 cổ phiếu (chiếm 45,38%). Ngày 04/01/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings chuyển nhượng 8.500.000 CP, số lượng CP sau khi giao dịch là 8.036.946 CP chiếm tỷ lệ 22,06%. Ngày 16/5/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings thực hiện mua CP phát hành cho cổ đông hiện hữu với số lượng CP là 8.036.946 nâng số lượng CP nắm giữ lên là 16.073.892 CP. Ngày 03/6/2022 Công ty CP tập đoàn An Phát Holdings thực hiện giao dịch mua 4.086.416 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 20.160.308,CP, chiếm tỷ lệ 27,66%. Ngày 16/01/2023 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings giao dịch bán 5.000.000, cổ phần, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 15.160.308, CP chiếm 20,8% (căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch

CP của người có liên quan)

- + Ngày 03/9/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh sở hữu 5.000.000 cổ phiếu và trở thành cổ đông lớn của NHH (chiếm 14,52%); ngày 06/10/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua thêm 500.000 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên thành 15,97% và ngày 25/11/2020 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh tiếp tục thực hiện giao dịch mua thêm nâng số cổ phiếu nắm giữ là 7.376.257 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 20,24%. Ngày 28/5/2021 đến 26/6/2021 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua 410.000 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên là 21,37%. Ngày 04/01/2022 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh thực hiện giao dịch mua thêm 8.500.000CP nâng số CP nắm giữ lên là 16.286.257 CP, tỷ lệ sở hữu là 44,69%. Tháng 5/2022 Công ty cổ phần Nhựa An Phát xanh mua CP phát hành cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 16.286.257 CP nâng số lượng CP nắm giữ lên là 32.572.514 CP. Ngày 03/6/2022 công ty thực hiện giao dịch mua 2.000.000 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 34.572.514 CP, chiếm tỷ lệ 47,44% (Theo Báo cáo kết quả giao dịch CP của người có liên quan)
- + Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Công ty TNHH An Trung Industries (Công ty con của CP Nhựa Hà Nội) đã hoàn thành xong giao dịch chuyển nhượng toàn bộ 50% vốn góp tại Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô VINFAST – ANPHAT. Do vậy Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô VINFAST – ANPHAT không còn là công ty liên kết của Công ty TNHH An Trung Industries.
- + Ngày 23/12/2020: Công ty CP Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng cổ phần và chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 99,18%/vốn điều lệ. Ngày 30/5/2023 NHH chuyển nhượng 2.170.000CP, số lượng CP sau khi chuyển nhượng còn là 40.410.000, CP chiếm tỷ trọng 94,86%.
- + Tháng 5/2022 Công ty CP Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 5.800.000CP và trở thành công ty liên kết với Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 19,59%. Tháng 2/2023 NHH nhận chuyển nhượng 3.100.000CP nâng số lượng CP nắm giữ lên là 8.900.000, CP chiếm 30,7%/vốn điều lệ. Ngày 15/6/2023 nhận chuyển nhượng 1.610.000CP nâng số lượng CP nắm giữ lên 10.510.000 CP chiếm tỷ lệ 35,5%/vốn điều lệ.
- + Tháng 7/2022 Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam nhận chuyển nhượng 1.040.000CP Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát. Tỷ lệ vốn nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 là 3,51%. Như vậy NHH sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát là 11.550.000 CP chiếm tỷ lệ 39%

- Các sự kiện khác: Không

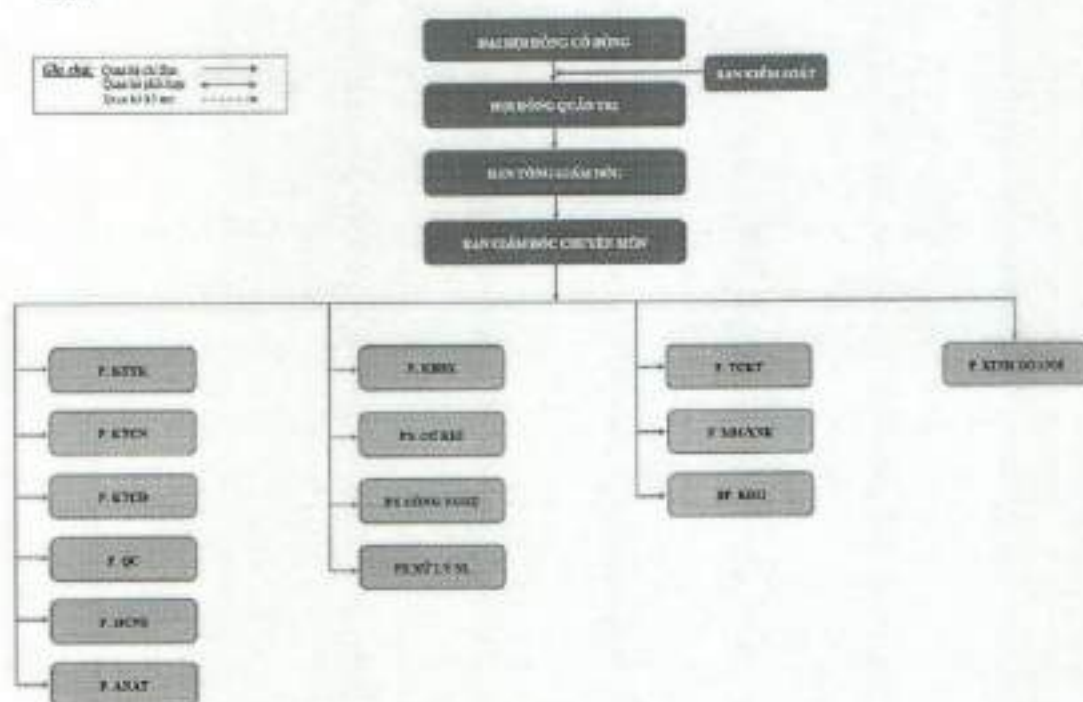
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành, nghề kinh doanh chính**

- + Sản xuất, mua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác;
- + Sản xuất, mua bán nguyên liệu nhựa và các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác... và

các mặt hàng nhựa gia dụng;

- **Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính**
 - + Nhập khẩu thiết bị, máy móc, khuôn mẫu, vật tư kỹ thuật, hóa chất và các mặt hàng khác mà Nhà nước không cấm;
 - **Địa bàn kinh doanh:** Các tỉnh thành phố trong nước và xuất khẩu đi Nhật Bản, Italia.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
- **Mô hình quản trị:** Công ty áp dụng mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



➤ **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- + **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Được gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

- + **Hội đồng quản trị:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm, Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

- + Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là (05) năm, Ban kiểm soát hoạt động độc lập, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- + Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- + Phó Tổng giám đốc: Là người giúp cho Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.
- + Các phòng ban chức năng tham mưu giúp việc: gồm 13 phòng/Phân xưởng

❖ **Phòng tổ chức hành chính:**

- Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực;
- Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,...;
- Quản lý cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ văn phòng;
- Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn;
- Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác;
- Phụ trách các công tác về nhân sự, xây dựng tiền lương, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao.

❖ **Phòng Tài chính kế toán:**

- Phụ trách công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các mặt công tác sau:
- + Hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả; các hoạt động thu, chi tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
- + Lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty.
- + Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và nội bộ tại Công ty.
- + Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời;
- + Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

❖ **Phòng Kế hoạch sản xuất:**

-
- Căn cứ vào đơn hàng, hợp đồng của khách hàng lập kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, năm; Điều độ, tổ chức và quản lý sản xuất tại các Phân xưởng sản xuất trong Công ty; Lập kế hoạch giao hàng đúng thời gian đã thỏa thuận với khách hàng.
 - Thực hiện giám sát giao hàng tại các khách hàng.
 - Lập và giám sát kế hoạch tổng thể từ khâu triển khai sản phẩm mới, theo dõi thực hiện Kế hoạch triển khai tổng thể từ khâu R&D đến thực hiện MP trong Công ty.
 - Lập báo cáo thực hiện KHSX tuần, tháng, năm trong Công ty.
 - Kết nối điều độ KIISX, nắm bắt, báo cáo điều phối năng lực sản xuất giữa các Công ty con thuộc Công ty.
 - Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ISO 14001:2015.
 - Quản lý và điều vận xe tải của Công ty.
 - Thiệt hiện công tác 5S.
 - Lập báo cáo doanh thu dự kiến, doanh thu thực tế tuần, tháng, năm.
- ❖ **Phòng Mua hàng – Xuất nhập khẩu:**
- Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu;
 - Quản lý dự án khuôn thuê ngoài;
 - Quản lý nhà cung cấp;
 - Làm công tác xuất nhập khẩu cả vật tư - hàng hóa.
- ❖ **Bộ phận Kho:**

- Tổ chức và giám sát việc quản lý các kho: Thành phẩm; Bán phẩm; Nguyên vật liệu; CCDC; Thùng chứa nội bộ... theo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện nhập hàng hóa, nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch mua ngoài từ Phòng Mua hàng. Phối hợp với Phòng Mua hàng để lấy hàng về phù hợp đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất và tối ưu diện tích kho.
- Thực hiện nhập hàng bán phẩm, thành phẩm từ PXCN, nhập hạt tạo, đẽ xẽ từ PX XLNL.
- Theo dõi nguyên liệu khách gửi gia công, thực hiện đối chiếu với khách hàng.
- Bảo quản hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ trong các kho tuân thủ theo đúng quy định.
- Thực hiện xuất hàng hóa cho các đơn vị liên quan theo kế hoạch giao hàng, định mức sản xuất và yêu cầu vật tư.
- Theo dõi số lượng xuất, nhập hàng gia công bên ngoài và kiểm kê định kỳ.
- Theo dõi việc xuất nhập tồn đồ dựng và bao bì quay vòng, phối hợp với các đơn vị để thực hiện kiểm kê và thu hồi đồ dựng và bao bì được đảm bảo.
- Thực hiện điều chuyển hàng hóa nội bộ giữa các kho tại HPC và thuê ngoài đảm bảo được tối ưu chi phí.
- Vệ sinh đồ dựng đảm bảo yêu cầu cấp phát cho sản xuất.
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.
- Thực hiện công tác 5S.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao.
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng Giám đốc, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách.

❖ **Phòng kinh doanh:**

- Lập kế hoạch kinh doanh hàng năm và triển khai thực hiện các hoạt động Marketing: Quảng cáo, hội chợ triển lãm và giới thiệu các sản phẩm của Công ty; Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của thị trường, đưa ra các kế hoạch kinh doanh, chiến lược thu hút khách hàng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; Tham gia công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế bán hàng, sản phẩm, khuôn mẫu, dịch vụ nội địa.
- Quản lý dữ liệu giá cả sản phẩm, giá cả vật tư, khuôn mẫu, máy móc thiết bị, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác phân tích giá cả và bán hàng.
- Quản lý khách hàng (cả nội địa và XK) tiếp nhận các thông tin đầu vào phục vụ việc bán hàng như: thông tin khách hàng, các yêu cầu đánh giá Công ty từ khách hàng, kết nối các đơn vị trong Công ty đáp ứng các yêu cầu từ khách hàng.
- Lập các báo cáo phân tích kết quả SXKD trong Công ty và báo cáo Tập đoàn APH.
- Chịu trách nhiệm hỗ trợ các Công ty con chào giá sản phẩm, phối hợp các Công ty con cùng tìm kiếm khách hàng cho toàn hệ thống Công ty con của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

-
- Trưởng phòng báo cáo trực tiếp Phó Tổng giám đốc Kinh doanh, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc lĩnh vực phòng được phân công phụ trách.

❖ **Phòng Kỹ thuật thiết kế:**

- Phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu;
- Tổ chức triển khai thiết kế khuôn;
- Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn;
- Quản lý khuôn;
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động;
- Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa.

❖ **Phòng Kỹ thuật công nghệ:**

- Tham gia nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới;
- Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định;
- Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa;
- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

❖ **Phòng Kỹ thuật cơ điện:**

- Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo;
- Đảm bảo vận hành và quản lý việc cấp điện năng toàn Công ty;
- Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dưỡng, công cụ sản xuất;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

❖ **Phòng Bảo vệ Công ty:**

- Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn khác;
- Đảm bảo công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản... ra vào Công ty đúng quy định.

❖ **Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm:**

- Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất;

-
- Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm;
 - Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi.

❖ **Phân xưởng cơ khí:**

- Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;
- Sửa chữa khuôn sự cố nhỏ;
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo đúng quy định của Công ty.

❖ **Phân xưởng công nghệ:**

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty trên các máy gia công sản phẩm nhựa và các công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng sản phẩm đúng yêu cầu.
- Tổ chức thực hiện quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm, thanh quyết toán theo yêu cầu, quy định của Công ty.
- Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành các quy trình tháo lắp khuôn, vận hành máy ép phun, thiết bị phụ trợ, cầu trục, xe nâng, quy trình công nghệ và thực hiện bảo hộ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự, vệ sinh công nghiệp.
- Có trách nhiệm tự đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung theo cấp độ phân xưởng cho người lao động.
- Tham gia và tạo điều kiện cho các đơn vị liên quan thực hiện công tác thử khuôn, mẫu, nguyên liệu.
- Thực hiện hoạt động của hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.
- Thực hiện công tác 5S: Đào tạo cho các công ty thành viên trong khối Nhựa kỹ thuật.
- Thực hiện các cải tiến nâng cao năng suất, giảm lao động trong sản xuất.
- Đào tạo cải tiến, lãng phí trong sản xuất.
- Thực hiện công tác phân tích, truy tìm nguyên nhân và đưa ra đối sách khi phát sinh sản phẩm lỗi.
- Theo dõi báo cáo năng suất, định mức điện năng tiêu thụ, năng suất lao động.
- Tính toán vật tư theo ngày, dự trữ theo tuần để đảm bảo theo kế hoạch sản xuất.
- Phối hợp với P.KHSX, P.HCNS để điều chỉnh bổ sung nhân sự.
- Kiểm soát tình liên tục, ổn định trong quá trình sản xuất.
- Quản lý khuôn mẫu, số lượng tình trạng hoạt động của khuôn.
- Xử lý các sự cố về khuôn mẫu, thiết bị trong phạm vi cho phép.
- Phối hợp cùng các đơn vị kỹ thuật: P.KTCN, P.KTTK, PXCK đưa ra các ý tưởng cải tiến khi triển khai phát triển New Model.
- Update dữ liệu kế hoạch sản xuất hàng ngày để làm tem QR code.

-
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty giao.
 - Quản đốc Phân xưởng báo cáo trực tiếp Giám đốc sản xuất, Tổng giám đốc Công ty các vấn đề thuộc nhiệm vụ được giao của Phân xưởng.
- **Các công ty con, công ty liên kết:**
- + Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM:
Địa chỉ: Thôn Hào – xã Liêu Xá – huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic
Vốn điều lệ thực góp: 20.700.000.000đ
Tỷ lệ sở hữu vốn: 100%
 - + Công ty TNHH An Trung Industries:
Địa chỉ: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic
Vốn điều lệ: 241.000.000.000, đồng.
Tỷ lệ sở hữu vốn: 100%
 - + Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:
Địa chỉ: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic
Vốn điều lệ: 200.000.000.000,đ
Tỷ lệ sở hữu vốn: 100%
 - + Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường
Địa chỉ: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Lĩnh vực SXKD: Sản xuất sản phẩm từ Plastic: sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
Vốn điều lệ: 426.000.000.000, đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn: 94,86%
 - + Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát
Địa chỉ: Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Lĩnh vực SXKD: Sản xuất nguyên liệu hạt nhựa tự hủy sinh học.
Vốn điều lệ: 296.000.000.000, đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn trực tiếp và gián tiếp là: 39%
4. Định hướng phát triển:
-

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- + Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động.
- + Tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Định hướng phát triển Công ty trong giai đoạn tiếp theo tiếp tục đầu tư để phát triển khuôn mẫu, sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành công nghiệp hỗ trợ: tập trung vào các sản phẩm nhựa kỹ thuật phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy, điện- điện tử – điện lạnh; thùng chứa, pallet cho các ngành công nghiệp. Ngoài ra sẽ phát triển thêm sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm nhựa xây dựng và hộp đựng thực phẩm.
- + Đối tác kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực đáp ứng nhu cầu của các khách hàng lớn đã phát triển bền vững trong nhiều năm qua và tiếp tục phát triển thêm các khách hàng mới.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Tuân thủ đúng quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm với mức thu nhập ổn định cho người lao động, quan tâm nâng cao chế độ phúc lợi cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Trong bối cảnh dự báo, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới được dự báo tăng trưởng GDP ở mức khoảng 6% trong năm 2024.

Đối với Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội: Năm 2024 Công ty vẫn phải đối mặt với các rủi ro thách thức sau:

- Khó khăn ở chỗ nguồn nhân công của Việt Nam trước kia cạnh tranh với Thái Lan, Indonesia tốt hơn nhưng bây giờ do các nước này đang bị mất dần sản phẩm phát triển bởi sự dịch chuyển thị trường khai thác của các hãng lớn đổ vào Việt Nam nên họ buộc phải bắt đầu có nhiều cải tiến để giành lại thị trường. Mặt khác lạm phát kinh tế của Việt nam tuy đang chậm dần nhưng chi phí tiêu dùng, tiền lương vẫn tăng, nên Công ty cũng đang chịu áp lực về việc tăng chi phí trước sức ép phải giảm giá hàng năm từ các hãng lớn trong chiến lược phát triển Công ty theo định hướng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, sản xuất theo đơn hàng.
- Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt.
- Với định hướng sản xuất theo đặt hàng có sẵn đầu ra, nguồn doanh thu và dòng tiền khá ổn định thì cũng có khó khăn Công ty phải lựa chọn vật liệu theo chỉ định từ khách hàng, chịu sự kiểm soát giá đầu vào, trong khi phần gia công hàng năm đều phải tuân theo chính sách giảm giá của các hãng lớn, phụ thuộc vào các chính sách điều chỉnh của khách hàng (về giá cả, nguồn nguyên liệu, về yêu cầu chất lượng..)

5.2. Rủi ro pháp luật

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp đang trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của nhà nước đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một ví dụ như các chính sách về thuế nhập khẩu ..., mỗi một chính sách như vậy đều có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng hay giảm tỷ lệ nội địa hóa của các hãng ô tô - xe máy lớn và ảnh hưởng gián tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành

- Khó khăn trong việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, giá bán nhựa cho công ty Việt Nam thường kém cạnh tranh hơn các thị trường Trung quốc, Ấn độ, Indonesia, thậm chí cả Thái lan. Trong nước hiện nay mới chỉ có nguồn PP Homocopolymer từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và nhựa PS từ Công ty Polystyren Việt nam, còn rất nhiều nguyên liệu nhựa kỹ thuật phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ của Công ty vẫn đang phải nhập khẩu. Trong khi đó, khách hàng của công ty đa phần chỉ định sử dụng loại nguyên liệu đầu vào để kiểm soát giá cả, đồng thời họ cũng chịu áp lực giá cả đầu ra khi Việt nam hội nhập sâu, trở thành ép các công ty Việt nam phải tìm mọi cách giảm giá sâu để cạnh tranh với các nước trong khu vực.
- Ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá dầu thô quốc tế, nguồn nguyên liệu thô cho ngành nhựa trên thế giới đều có tác động ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi tình chất ngành phụ thuộc vào nhập khẩu gần như toàn bộ với nguyên liệu nhựa mang tính chất kỹ thuật.

5.4. Rủi ro khác.

Chiến tranh Nga và Ukraine đang diễn biến phức tạp và khủng hoảng chính trị toàn cầu cũng sẽ ảnh hưởng đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Lãi suất vay ngân hàng tăng, tỷ giá đô la Mỹ biến động ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Rủi ro liên quan đến chính sách nội bộ Công ty như: Chính sách của công ty thay đổi không còn duy trì được như khi còn vốn nhà nước nên ảnh hưởng đến tâm lý người lao động do vậy một số nhân sự có tay nghề đã xin nghỉ việc;

Các rủi ro bất khả kháng: Thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ...Nhưng rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tài sản của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %	
						So với TH	So với

						2022	KH 2023
1	Doanh thu cung cấp HHDV	Đồng	2.383.164.448.728	2.400.000.000.000	2.039.284.758.153	85,57	84,97
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	“	111.926.036.003	120.000.000.000	96.243.253.037	85,99	80,20
3	Tỷ suất LNST/D T	%	4,69	5	4,72	100,64	94,4
4	Tỷ suất LNST/V DL bq	%	20,47	16,48	13,22	64,58	80,21

(Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất)

- Doanh thu năm 2023 đạt 2.039 tỷ đồng, giảm 14,43% so với cùng kỳ năm 2022 và hoàn thành 84,97% kế hoạch đặt ra,
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 96,2 tỷ đồng giảm 14,01% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 80,20% kế hoạch đặt ra,

Doanh thu và lợi nhuận Công ty năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tái cấu trúc tập khách hàng và xử lý hàng tồn kho.

1.2. Những thay đổi chính trong năm:

- Thay đổi nhân sự cấp cao nhằm trẻ hóa và nâng cao hoạt động quản trị của công ty:
- + Tháng 4/2023: Thay đổi chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện pháp luật.
- + Tháng 4/2023: Thay đổi kế toán trưởng
- + Tháng 4/2023: Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính.
- + Tháng 10/2023: Thay đổi Tổng giám đốc kiêm người đại diện pháp luật.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Duy trì và thực hiện tốt chế độ cho người lao động của Công ty.
- Đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Đã tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên vào ngày 21/4/2023. Đại hội đã thông qua một số vấn đề sau:
- + Thông qua báo cáo của HĐQT về việc đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.
- + Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2022

- + Thông qua BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán.
- + Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022 đã được kiểm toán
- + Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.
- + Thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- + Thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2023.
- + Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán thuộc danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023 để thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong năm 2023.
- + Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, bầu bổ sung thành viên HĐQT
- Tháng 5/2023 Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã chuyển nhượng 2.170.000 CP đầu tư tại Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường, số lượng CP nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 40.410.000, CP chiếm tỷ lệ là 94,86 %/vốn điều lệ.
- Tháng 02/2023 NHH nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phiếu Công ty CP sản xuất PBAT An Phát, số lượng CP nắm giữ sau khi giao dịch là 8.900.000 CP chiếm tỷ lệ 30,06% vốn điều lệ của PBAT.
- Tháng 06/2023 NHH nhận chuyển nhượng 1.610.000 cổ phiếu Công ty CP sản xuất PBAT An Phát, số lượng CP nắm giữ sau giao dịch là 10.510.000CP chiếm tỷ lệ 35,5% vốn điều lệ của PBAT.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1. Ông Bùi Thanh Nam – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thời gian đảm nhiệm chức vụ đến hết ngày 09/10/2023.

Họ và tên : Bùi Thanh Nam
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 24/07/1962
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/ Hộ chiếu :
 Ngày cấp/Ngày hết hạn :
 Nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú :

 Điện thoại :
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư – Chuyên ngành Thủy khí động lực
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
---------------	---------------------------

Đến tháng/ năm	
4/1985 – 3/1989	Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp Nhựa Hà Nội
4/1989 – 6/1994	Phó quản đốc phân xưởng Cơ Khí – Công ty Nhựa Hà Nội
7/1994 – 7/1995	Quản đốc phân xưởng Cơ Khí – Công ty Nhựa Hà Nội
7/1995- 11/2000	Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện Công ty Nhựa Hà Nội
11/2000- 9/2005	Phó giám đốc Công ty Nhựa Hà Nội
9/2005 – 11/2008	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 – 10/2023	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
10/2023 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

2.1.2. Ông Ngô Văn Thụ – Tổng Giám đốc, thời gian đảm nhiệm chức vụ từ ngày 10/10/2023.

Họ và tên : Ngô Văn Thụ
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 24/8/1982
Nơi sinh :
CMND/ Hộ chiếu :
Ngày cấp/Ngày hết hạn :
Nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú :

Trình độ chuyên môn: : Đại Học chuyên ngành Hóa Hữu cơ - hóa dầu

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
09/2005-09/2009	Điều phối viên kỹ thuật, Công ty TNHH Sơn Joton
2009 - 2013	Trưởng phòng QC – Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
09/2013-09/2016	Phó giám đốc nhà máy, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
09/2016-08/2019	Giám đốc nhà máy, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi

	trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh
/08/2019-05/2023	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2022 - 03/2022	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP An Tiến Industries
03/2022 - Nay	Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần An Tiến Industries
05/2022 – đến nay	Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần An Tiến Industries
07/2022 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP An Thành Biesol
06/2023 – 07/2023	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Hà Nội
07/2023 – 10/2023	Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP Nhựa Hà Nội
10/2023 - Nay	Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Hà Nội Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.

2.1.3. Bà Phạm Thị Thanh Hiền – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

Họ và tên : Phạm Thị Thanh Hiền
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 12/10/1965
Nơi sinh : Hà Nội
CMND/ Hộ chiếu :
Ngày cấp/Ngày hết hạn :
Nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú :
Điện thoại :
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kinh tế công nghiệp
Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
2/1987 – 1/1994	Nhân viên phòng Kế hoạch sản xuất - Công ty Nhựa Hà Nội
2/1994 – 4/2001	Phó phòng Kế hoạch sản xuất – Công ty Nhựa Hà Nội

5/2001 – 7/2006	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất – Công ty Nhựa Hà Nội
8/2006 – 10/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 – 11/2010	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội
12/2010 – 01/2011	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Hà Nội; thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
01/2011 – 4/2018	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.
5/2018 – 4/2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; thành viên HĐQT, giám đốc Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.
4/2019- 5/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.
6/2020 - 02/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.
02/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Tổng Giám đốc Công ty An Trung Industries; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.

2.1.4. Bà Đỗ Thị Hương Giang – Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính

Họ và tên : Đỗ Thị Hương Giang
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 03/4/1975
Nơi sinh : Hà Nội
CMND/ Hộ chiếu :
Ngày cấp/Ngày hết hạn :
Nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú :
Điện thoại :

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
01/1994 - 01/2000	Nhân viên kế toán Công ty Nhựa Hà Nội
02/2000 - 2/2003	Phó phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội
3/2003 - 6/2003	Quyển Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội
7/2003 - 4/2004	Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội
5/2004 - 6/2006	Trưởng phòng Tài Vụ Công ty Nhựa Hà Nội; Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng.
7/2006 - 10/2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội; Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng.
11/2008 - 11/2010	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng.
12/2010 - 4/2011	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM; Trưởng ban kiểm soát công ty CP Hàm Rồng.
5/2011 - 4/2018	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.
5/2018 - 3/2019	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.
04/2019 - 4/2023	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.
4/2023 - Nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển XNK và đầu tư VIEXIM.

- Những thay đổi trong Ban điều hành:
- + Tháng 10/2023 HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc mới nhằm mục đích trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty CP Nhựa Hà Nội

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động			
1	Trên đại học	1	0.14%
2	Trình độ đại học và tương đương	99	14.16%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	92	13.16%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	05	5.72%
5	Lao động phổ thông	502	71.82%
Phân theo HĐ lao động			
1	Lao động không thuộc diện ký HDLD	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	572	82%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	120	17%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc	7	1%
Phân theo giới tính			
1	Nam	438	63%
2	Nữ	261	37%

(Nguồn: Báo cáo công ty mẹ)

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM:

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động			
1	Trên đại học	0	0%
2	Trình độ đại học và tương đương	46	12.53%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	1.64%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	16	4.36%
5	Lao động phổ thông	299	81.47%
Phân theo HĐ lao động			
1	Lao động không thuộc diện ký HDLD	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	152	41.42%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	183	49.86%

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc	32	8,72%
Phân theo giới tính			
1	Nam	242	65,94%
2	Nữ	125	34,06%

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH An Trung Industries:

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động			
1	Trên đại học	1	0,38%
2	Trình độ đại học và tương đương	41	15,53%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	23	8,71%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	175	66,29%
5	Lao động phổ thông	24	9,09%
Phân theo HĐ lao động			
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	240	92,31%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	19	7,31%
4	Hợp đồng thời vụ, thử việc	1	0,38%
Phân theo giới tính			
1	Nam	164	63,08%
2	Nữ	96	36,92%

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động			
1	Trên đại học		
2	Trình độ đại học và tương đương	24	40%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	18	30%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp,	18	30%

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
	<i>trung cấp nghề</i>		
5	<i>Lao động phổ thông</i>	0	0%
	Phân theo HĐ lao động		
1	<i>Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ</i>		
2	<i>Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	53	88,34%
3	<i>Hợp đồng thời hạn 1-3 năm</i>	2	3,33%
4	<i>Hợp đồng thời vụ, thử việc</i>	5	8,33%
	Phân theo giới tính		
1	<i>Nam</i>	49	81,67%
2	<i>Nữ</i>	11	18,33%

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường:

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ
	Phân theo trình độ lao động		
1	<i>Trên đại học</i>	03	1,49%
2	<i>Trình độ đại học và tương đương</i>	33	16,34%
3	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp</i>	09	4,45%
4	<i>Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề</i>	03	1,48%
5	<i>Lao động phổ thông</i>	154	76,24%
	Phân theo HĐ lao động		
1	<i>Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ</i>	0	
2	<i>Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	181	89,6%
3	<i>Hợp đồng thời hạn 1-3 năm</i>	14	6,93%
4	<i>Hợp đồng thời vụ, thử việc</i>	07	3,47%
	Phân theo giới tính		
1	<i>Nam</i>	171	84,65%
2	<i>Nữ</i>	31	15,35%

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không.
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
 - a) **Các khoản đầu tư lớn:**
 - Tổng kinh phí đầu tư thiết bị năm 2023 riêng công ty mẹ là 55,7 tỷ đồng trong đó chủ yếu là đầu tư thiết bị và khuôn mẫu. Các thiết bị đầu tư đã được đưa vào khai thác đáp ứng tiến độ và đã phát huy hiệu quả kinh tế.
 - Đầu tư tài chính:
 - + Tháng 02/2023 NHH nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phiếu Công ty CP sản xuất PBAT An Phát, số lượng CP nắm giữ sau khi giao dịch là 8.900.000 CP chiếm tỷ lệ 30,06% vốn điều lệ của PBAT.
 - + Tháng 06/2023 NHH nhận chuyển nhượng 1.610.000 cổ phiếu Công ty CP sản xuất PBAT An Phát, số lượng CP nắm giữ sau giao dịch là 10.510.000CP chiếm tỷ lệ 35,5% vốn điều lệ của PBAT.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Danh sách Công ty con:
 - + Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.
 - + Công ty TNHH An Trung Industries
 - + Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam
 - + Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường
- Danh sách công ty liên kết:
 - + Công ty CP sản xuất PBAT An Phát
- Tình hình hoạt động của Công ty con, công ty liên kết

STT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp	Tình hình hoạt động
1	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	20.700.000.000	100%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH An Trung Industries	241.000.000.000	100%	Đang hoạt động
3	Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	200.000.000.000	100%	Đang hoạt động
4	Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	426.000.000.000	94,86%	Đang hoạt động
5	Công ty CP sản xuất PBAT An Phát	296.000.000.000	39%	Đang hoạt động

- Tình hình tài chính của Công ty con:

+ Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	TH năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	125.180.935.279	89.406.050.490	(28,57)
2	Doanh thu thuần	360.727.669.890	315.658.514.257	(12,49)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.368.580.719	15.039.144.367	+104,10

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM)

+ Công ty TNHH An Trung Industries:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	TH năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	440.060.062.120	343.963.403.345	(21,83)
2	Doanh thu thuần	382.123.205.024	236.800.580.481	(38,03)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.491.094.113	(21.220.792.169)	(236,99)

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH An Trung Industries)

+ Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	TH năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	356.215.559.689	291.698.947.557	(18,11)
2	Doanh thu thuần	91.225.807.825	132.649.071.286	+45,41
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.348.970.429	12.295.116.862	+31,51

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam)

+ Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	TH năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	788.163.815.359	687.375.294.294	(12,79)
2	Doanh thu thuần	634.271.677.936	606.112.605.548	(4,44)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.825.155.875	33.834.965.220	+283,39

(Nguồn: Báo cáo Tài chính Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường)

+ Công ty CP sản xuất PBAT An phát:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	TH năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	503.781.472.535	757.389.577.887	+50,34
2	Doanh thu thuần	0	52.164.583.460	-
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	735.047.401	(19.966.849.892)	(2816,4)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	2.386.753.341.433	2.076.629.829.589	(12,99)
Doanh thu thuần	"	2.383.164.448.728	2.039.284.758.153	(14,43)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	"	146.127.555.502	117.070.651.554	(19,88)
Lợi nhuận khác	"	(820.871.296)	3.472.590.912	323,04
Lợi nhuận trước thuế	"	145.306.684.206	120.543.242.466	(17,04)
Lợi nhuận sau thuế	"	111.926.036.003	96.243.253.037	(14,01)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5	5	-

(Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất)

Ghi chú: Chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2023 được ghi theo số dự kiến, ĐHCĐ thường niên năm 2024 sẽ quyết định tỷ lệ phân phối này.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,34	1,25	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,95	0,9	

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho				
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45,46	33,87	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	83,35	51,22	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	5,64	5,82	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân.	Lần	1,11	0,91	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,70	4,72	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bq)	%	11,44	7,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,69	4,63	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	6,13	5,74	

nhất)

(Số liệu báo cáo tài chính hợp)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần đang lưu hành:

STT	Tiêu chí	Số lượng (cổ phần)
1	Tổng số cổ phần đang lưu hành	72.880.000
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng	72.880.000
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	3.052	72.569.410	99,57
1. Cá nhân	3.035	16.301.917	22,37
Trong đó:			
- Cá nhân nắm giữ trên 1%/ Tổng số cổ phần Công ty phát hành	01	1.595.000	2,19
2. Tổ chức	17	56.267.493	77,20
Trong đó:			
- Tổ chức nắm giữ từ 5%/ Tổng số cổ phần Công ty phát hành	02	54.732.822	75,10
II. Cổ đông nước ngoài	41	310.590	0,42
* Cá nhân	35	212.772	0,29
* Tổ chức	6	97.818	0,14
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	
Tổng	3.093	72.880.000	100

Ghi chú: Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 16/06/2023 (thời điểm chốt gần nhất tính đến 31/12/2023)

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

TT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	0801210129	20.160.308	27,66%
2	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh	0800373586	34.572.514	47,44%
	Tổng		54.732.822	75,10

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Quá trình tăng vốn kể từ khi cổ phần hóa đến nay:

Công ty CP Nhựa Hà Nội chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần từ tháng 11/2008 với số vốn điều lệ ban đầu khi chuyển đổi là 65 tỷ đồng.

Qua quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tăng vốn 04 lần cụ thể như sau:

- + Phát hành tăng vốn lần 1:

Ngày 13/02/2019, Công ty phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ sau khi phát hành là 168.000.000.000 đồng.

+ Phát hành tăng vốn lần 2:

Ngày 12/08/2019, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thường cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên sau khi phát hành là 344.400.000.000 đồng.

+ Phát hành tăng vốn lần 3:

Tháng 12/2020 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành 364.400.000.000đ

+ Phát hành tăng vốn lần 4:

Tháng 6/2022 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành 728.800.000.000đ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Số đầu kỳ	364.400.000.000	728.800.000.000
- Tăng trong kỳ	364.400.000.000	0
- Giảm trong kỳ	0	0
- Số cuối kỳ	728.800.000.000	728.800.000.000

- Cổ phiếu:

ĐVT: cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Số đầu kỳ	36.440.000	72.880.000
- Phát hành trong kỳ	36.440.000	0
- Giảm trong kỳ	0	0
- Số cuối kỳ	72.880.000	72.880.000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

+ Thay thế bóng đèn cao áp 400W bằng bóng đèn led 150W

- + *Cắt giảm bóng đèn Tuyp led 18W tại Phân xưởng công nghệ*
- + *Quy định lại thời gian lên nhiệt các máy ép phun trước khi sản xuất*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty CP Nhựa Hà Nội:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	Kg	3.723.054
2	Hạt nhựa PE	Kg	5.731
3	Hạt nhựa PS	Kg	45.992
4	Hạt nhựa PA	Kg	362.749
5	Hạt nhựa POM, PBT	Kg	12.314
6	Hạt nhựa ABS, AES, ASA	Kg	1.225.832
7	Hạt nhựa PC	Kg	114.964
8	Hạt nhựa PVC	Kg	241.792
9	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...)	Kg	44.391
10	Hạt nhựa TPU, TPE	Kg	2.922
11	Hạt nhựa PMMA	Kg	399
12	Thép	Kg	53.734
	Tổng cộng	Kg	5.833.874

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	Kg	3.423.947

2	Hạt nhựa PE	Kg	42.945
3	Hạt nhựa PS	Kg	0
4	Hạt nhựa PA	Kg	96.496
5	Hạt nhựa POM, PBT	Kg	15.119
6	Hạt nhựa ABS, AES	Kg	339.341
7	Hạt nhựa PC	Kg	196.848
8	Hạt nhựa PVC	Kg	270.859
9	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...)	Kg	95.913
	Tổng cộng	Kg	4.481.468

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH An Trung Industries:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	Kg	386.554
2	Hạt nhựa PA	Kg	36.198
3	Hạt nhựa PM	Kg	3.778
4	Hạt nhựa ABS, AES	Kg	211.326
5	Hạt nhựa PC	Kg	299.964
6	Nhựa PVC	Kg	3.740
7	Khác (Hạt màu, tẩy nòng...)	Kg	3.576
9	Hạt nhựa BG	Kg	1.197
11	Hạt nhựa PPSU	Kg	126
12	Hạt nhựa HIPS	Kg	749.685
14	Hạt nhựa TPR	Kg	136

	Tổng Cộng		1.696.280
15	Phụ kiện kim loại	Cái	3.068.726
	Tổng cộng		3.068.726

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2023
1	Thép	Kg	196.758,62

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm của Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2023
1	Bột PVC	Kg	5.278.741
2	Bột đá	Kg	17.226.742
3	Màng Film	Kg	379.148
4	Dán đế	Kg	429.631
5	Wear layer	Kg	1.708.258
6	Hạt tạo	Kg	14.715.579
7	Phụ gia khác (Acid, Pe...)	Kg	1.590.421
	Tổng cộng	Kg	41.328.520

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Công ty CP Nhựa Hà Nội

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng tái sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	%	100
2	Hạt nhựa PE	%	100
3	Hạt nhựa PS	%	98
4	Hạt nhựa PA	%	95
5	Hạt nhựa POM	%	97
6	Hạt nhựa ABS	%	98
7	Hạt nhựa PC	%	96
8	Hạt nhựa PVC	%	96

- Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tỷ lệ nguyên liệu tái sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	%	100
2	Hạt nhựa PE	%	107,85
3	Hạt nhựa PA	%	98,05
4	Hạt nhựa POM, PBT	%	74,88
5	Hạt nhựa ABS, AES	%	96,62
6	Hạt nhựa PC	%	94,64
7	Hạt nhựa PVC	%	83,03
8	Khác (hạt màu, tẩy nóng)	%	94,92

- Công ty An Trung Industries

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tỷ lệ tái sử dụng năm 2023
1	Hạt nhựa PP	%	82
2	Hạt nhựa PA	%	109
3	Hạt nhựa PM	%	99
4	Hạt nhựa ABS, AES	%	90
5	Hạt nhựa PC	%	99

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tỷ lệ tái sử dụng năm 2023
6	Hạt nhựa PVC	%	31
8	Hạt nhựa BG	%	119
10	Hạt nhựa PPSU	%	131
11	Hạt nhựa HIPS	%	99,5
12	Hạt nhựa TPR	%	83

- Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam: Không tái sử dụng được nguyên liệu.
- Công ty CP vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường:

STT	Tên Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tỷ lệ tái sử dụng năm 2023
1	Bột PVC	%	95
2	Bột đá	%	95
3	Màng Film	%	95
4	Dán đế	%	0
5	Wear layer	%	90
6	Phụ gia khác (Acid, Pe...)	%	95

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp Công ty CP Nhựa Hà Nội:

Tên năng lượng	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng năm 2022	Khối lượng sử dụng năm 2023	% tăng/giảm
Điện	Kw	11.820.200	10.217.400	(13,56)%
Gas trong nấu ăn công nghiệp	kg	18.356	5.910	(68,80)%
Dầu diesel	Lít	41.292	38.602	(8,51)%
Dầu thủy lực	Lít	18.476	11.356	(41,54)%
Dầu truyền nhiệt	Lít	416	208	(54)%
Dầu nhờn các loại	Lít	228	1.001	+334%
Dầu chống gỉ	Lít	9.402	6.714	(34,59)%
Dầu nhớt ô tô	Lít	456	282	(45,16)%
Dầu EDM Fluidz-200A	Lít			

Xăng	Lít	17.544	15.572	(20,24)%
....				

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH phát triển XNK và dầu từ VIEXIM:

Tên năng lượng	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng năm 2022	Khối lượng sử dụng năm 2023	% tăng/giảm
Điện	Kw/h	6.879.723	6.117.915	(11,07)%
Ga trong nấu ăn công nghiệp	kg	6.744	1.053	(84,39)%
Dầu diesel	Lít	12.600	12.749	+1,08%
Dầu thủy lực	Lít	10.600	10.000	(5,66)%
Dầu truyền nhiệt	Lít	1.242	416	(66,51)%
Dầu nhờn các loại	Lít	0	1.742	-
Dầu chống gỉ	Lít	5.734	4.975	(13,24)%
Xăng	Lít	303	440	+45,21%
....				

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH An Trung Industries

Tên năng lượng	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng năm 2022	Khối lượng sử dụng năm 2023	% tăng/giảm
Điện	Kw/h	6.090.190	4.699.464	(22,84%)
Dầu diesel	Lít	9.400	11.800	+25,53%
Dầu thủy lực	Lít	3.034	3.578	+17,93%
Dầu PM khuôn	Kg	220		(100%)
Dầu chống gỉ	kg	254	340.02	+33,87%
Dầu nhớt	Lít	259.75	300	+15,50%
Dầu máy xung điện	Lít			
Dầu máy nén khí	lít	200	80	(60%)
....				

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:

Tên năng lượng	ĐVT	Khối lượng dùng năm 2022	Khối lượng dùng năm 2023	% tăng/giảm
Điện	Kw	1.298.889	1.058.481	(18,51%)
Dầu bôi trơn	Lít	673	983	+46,06%
Dầu trục chính	Lít	50	440	+780%
Dầu cắt gọt	Lít	1.469	1.370	(6,74%)
Dầu diesel	Lít	1.150	1.330	+15,65%
Dầu động cơ ENEOS CF-4 20w50	Lít	1408		(100%)
Dầu ENEOS Gear GL5 90	Lít	120		(100%)
Dầu Founteut 2221	Lít	200		(100%)
Dầu làm mát trục chính Daphne Super Milti oil 2M	Lít	770	255	(66,88%)
Dầu Makino Spindle Lubricant	Lít			
Dầu máy xung điện IDEMITSU DAPHNE CUT HL - 25(dầu 68)	Lít	600	279	(53,5%)
Dầu Mobil dte oil light 32	Lít	208		(100%)
Dầu nhờn	Lít	6	20	(233,33%)
Dầu thủy lực	Lít	35	110	(214,19%)

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty CP vật liệu xây dựng và công nghệ cao An Cường:

Tên năng lượng	ĐVT	Khối lượng dùng năm 2022	Khối lượng dùng năm 2023	% tăng/giảm
Điện	Kw	12.885.569	12.495.426	(3,03%)
Dầu Diesel 0,05S-II	Lít	15.800	15.500	(1,90%)

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng. Sử dụng nước từ nguồn nước khai thác và mua của công ty nước sạch, tổng khối lượng sử dụng năm 2023 là 73.533m³/năm (202 m³/ngày.đêm);
- b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi

trường: *Không*

- b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lao động bình quân năm riêng công ty mẹ: 754. người
 - Mức lương bình quân tháng riêng công ty mẹ: 13,7, đồng/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- Khám sức khỏe tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV với tiêu chí khám cao hơn pháp luật quy định.
 - Trang bị đầy đủ cơ cấu an toàn của máy, phương tiện bảo vệ cá nhân tại các vị trí công việc.
 - Thực hiện trang cấp và sử dụng quần áo bảo hộ lao động, may áo khoác cho CBCNV toàn Công ty.
 - Thực hiện quan trắc môi trường, nước thải và quan trắc môi trường lao động 05 lần/năm.
 - Tăng cường diện tích cây xanh tại Công ty, trang cấp các hệ thống quạt thông gió, điều hòa tại khu vực làm việc cũng như nhà ăn Công ty ...
 - Đảm bảo chất lượng bữa ăn công nghiệp hàng ngày, chống nóng vào những ngày nắng nóng từ 34⁰C trở lên, bánh sữa trong trường hợp huy động làm thêm.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động:
- Các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng và học tập liên tục nâng cao trình độ quản lý, nâng cao tay nghề, nâng cao trách nhiệm

- + Đào tạo an toàn vệ sinh lao động
- + Đào tạo định kỳ đội sơ cấp cứu cơ sở Công ty
- + Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân
- + Đào tạo nhận biết các loại lãng phí và cách cải tiến
- + Đào tạo kỹ năng nhận biết các mối nguy hiểm trong quá trình làm việc.
- + Đào tạo công việc tiêu chuẩn
- + Huấn luyện nghiệp vụ PCCC - CNCH và thực tập phương án PCCC-CNCH
- + Quản trị rủi ro trong thực hiện hợp đồng và thu hồi các khoản thanh toán quá hạn
- + Đào tạo bồi dưỡng kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu và phòng chống bệnh tật.
- + Đào tạo diễn tập ứng phó các tình huống khẩn cấp năm 2023 (sự cố ngộ độc thực phẩm)
- + Đào tạo kỹ năng bán hàng cho nhân viên Sale.
- + Đào tạo quy trình và kỹ năng tiếp khách cho nhân viên Sale
- + Đào tạo kỹ năng lập kế hoạch và quản lý mục tiêu.
- + Đào tạo kỹ năng bán hàng – thấu hiểu khách hàng cho nhân viên Sale
- + Đào tạo IATF
- Đào tạo bên ngoài:
 - + Đào tạo an toàn lao động định kỳ hàng năm

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty có các hoạt động phối hợp với địa phương như sau: Triển khai các kế hoạch cụ thể phối hợp với công an Phường, Quận đảm bảo ANTT trên địa bàn, triển khai các kế hoạch và phối với CA PC&CC của quận, thực hiện phối hợp với CAQ tổ chức học tập và diễn tập các tình huống cụ thể tại công ty, thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, thông tin tuyên truyền về công tác PC&CC. Công ty đã từng ủng hộ xây nhà tình nghĩa cho gia đình có công với cách mạng trên địa bàn quận, ủng hộ quỹ khuyến học của địa phương, ưu tiên tuyển chọn người của địa phương vào làm việc tại công ty....

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH :

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (VNĐ)	Thực hiện năm 2023 (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
-----	----------	----------------------------	-----------------------------	--------------

1	Doanh thu bán hàng và CCDV	2.400.000.000.000	2.039.284.758.153	84,97
2	Lợi nhuận sau thuế	120.000.000.000	96.243.253.037	80,20

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp

nhất)

- + Năm 2023, Doanh thu đạt 2.039 tỷ đồng, hoàn thành 84,97% kế hoạch được giao.
- + Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 96 tỷ đồng, hoàn thành 80,20% kế hoạch được giao, nguyên nhân phân tích tại mục 1.2 phần II.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	1.258.538.093.367	52,73	833.749.782.499	40,15
Tài sản dài hạn	1.128.215.248.066	47,27	1.242.880.047.090	59,85
Tổng	2.386.753.341.433	100		100

- Tình hình nợ phải trả:
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Tài sản ngắn hạn	Đồng	1.258.453.093.367	833.749.782.499
Nợ ngắn hạn	Đồng	937.838.904.471	666.286.577.823
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,34	1,25

- + Hệ số thanh toán nhanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,95

- + Hệ số thanh toán dài hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Tài sản dài hạn	Đồng	1.128.215.248.066	1.242.880.047.090
Nợ dài hạn	Đồng	147.199.756.661	37.125.318.428
Hệ số thanh toán nợ dài hạn	Lần	7,66	33,48

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
- + Công ty không có nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều đang trong thời hạn.
- + Năm 2023, Công ty tiếp tục đầu tư vốn vào các công ty con, do vậy công ty tăng cường sử dụng vốn vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Lãnh đạo Công ty luôn chỉ đạo và giám sát các đơn vị tham mưu, chủ động cân đối năng lực sản xuất hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của kế hoạch sản xuất, phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và hàng năm để đưa ra các giải pháp kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và mục tiêu đã đề ra.
- Ban điều hành duy trì các cuộc họp chất lượng đầu giờ, đưa ra các ý kiến chỉ đạo kịp thời cho các đơn vị về điều hành sản xuất và chất lượng sản phẩm, giảm thiểu sản phẩm hỏng và đề xê phát sinh trong sản xuất. Nâng cao công tác quản lý đề xê phát sinh trong sản xuất và công tác thống kê đánh giá tìm nguyên nhân khắc phục.
- Thực hiện rà soát lại các quy trình sản xuất, hoàn thiện thao tác sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất, cải tiến tăng năng suất lao động, nghiên cứu cải tiến cắt giảm các công đoạn không cần thiết, đưa công đoạn hoàn thiện xuống thực hiện ngay tại máy sản xuất, giảm chi phí vận chuyển nội bộ, chi phí tồn kho.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát kế hoạch sản xuất, việc quản lý vật tư, phụ liệu sản xuất; chân chỉnh kịp thời công tác chuẩn bị điều kiện cho sản xuất. Cân đối mức tồn kho vật tư, hàng hoá đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiết kiệm, phù hợp với biến động của thị trường.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tăng cường quảng cáo về năng lực và khả năng của Công ty để thu hút khách hàng mới, mặt hàng mới trong lĩnh vực sản phẩm nhựa công nghiệp. Thực hiện tốt dịch vụ khách hàng, đảm bảo giữ được uy tín của Công ty đối với khách hàng đang giao dịch.
- Chỉ đạo và đưa ra nhiều giải pháp quản lý vật tư chính, phụ liệu, văn phòng phẩm nhằm quản lý chặt chẽ trong khâu sử dụng và tái sử dụng, các loại bao bì, thùng đựng cũng được quản lý chặt chẽ tránh thất thoát, giảm chi phí.
- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác cải tiến 5S và CCCF, TPS với sự hỗ trợ của TOYOTA Việt Nam và Chương trình hỗ trợ cải tiến năng suất, chất lượng của Samsung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

NHH đang trong quá trình phát triển theo mô hình Tổng công ty với các công ty con trong ngành công nghiệp hỗ trợ, nhựa xây dựng. Ban lãnh đạo Công ty vẫn duy trì định hướng chiến lược tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ ép phun nhựa và chế tạo khuôn mẫu, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nhựa xây dựng để sẵn sàng đón bắt các cơ hội. Thông qua các chính sách phát triển, đầu tư mở rộng và cải tiến cơ sở hạ tầng, công nghệ cho các công ty con, Công ty sẽ tăng cường chiếm lĩnh thị trường ép phun nhựa trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đón bắt và đáp

ứng nhu cầu phát triển nhà cung cấp của các đối tác lớn ngành ô tô như Toyota, Honda Việt Nam, Hyundai Thành Công, Mitsubishi, Vinfast, Ford Việt Nam...; các nhà sản xuất điện - điện tử, điện thoại như Foxconn, Panasonic, Daikin...; tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng và phát triển sản phẩm mới. Nhựa Hà Nội và các công ty thành viên sẽ tiếp tục tăng cường triển khai các chương trình hỗ trợ về đào tạo tổ chức quản lý sản xuất theo TPS của các chuyên gia từ Toyota Việt Nam, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Samsung Việt Nam và Bộ Công thương... Các công ty sẽ cơ cấu lại tổ chức sản xuất, tinh giản bộ máy quản lý, tiết giảm chi phí các công đoạn sản xuất, đầu tư máy móc, công nghệ hiện đại, giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động để nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, duy trì tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): *Không*
 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.
- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty có ĐTM và Đề án BVMT chi tiết, được cấp giấy phép xả thải. Hàng năm công ty triển khai thực hiện giám sát chất lượng nước thải (04 lần vào các tháng 1,4,7 và 10 và chất lượng không khí 02 lần vào các tháng 1 và 7). Các chỉ tiêu giám sát đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Công ty đã thực hiện quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, thực hiện chứng từ CTNH và báo cáo CTNH với các cơ quan quản lý nhà nước. Công ty đã có nhiều giải pháp cải tiến: Đổi mới thiết bị, sử dụng nước tuần hoàn, đầu tư hệ thống xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn nước khi thải ra môi trường, tổ chức phân loại rác thải và thu gom theo đúng quy định, sắp xếp cải tiến công tác 5S theo tiêu chuẩn TOYOTA, triển khai giải pháp tiết kiệm giẻ lau, tiết kiệm điện nước và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14000. Về tiêu thụ nước: Công ty sử dụng nước để làm nguội dầu, khuôn nhựa và sinh hoạt hàng ngày cho người lao động. Riêng nước làm nguội dầu, khuôn được công ty sử dụng tuần hoàn, tổng lượng nước tiêu thụ công ty mẹ năm 2023 là 73.533 m³. Về năng lượng điện dùng cho sản xuất công ty tiêu thụ 10,22 triệu Kwh. Để tiết giảm năng lượng tiêu thụ, công ty đã triển khai một số biện pháp sau: Hệ thống đèn chiếu sáng được quy định bật theo giờ và theo mùa, thay thế đèn chiếu sáng bằng đèn Led thay cho đèn cao áp, đã thay thế đèn Led cho 01 phân xưởng sản xuất, tận thu khí nóng từ các máy sấy nguyên liệu quay vòng trở lại, đầu tư các ép nhựa chạy điện (Hybrid) thay cho các máy dầu để tiết kiệm điện năng, triển khai đo nhiệt độ nước tuần hoàn để khống chế thời gian hoạt động của các bơm và quạt làm mát...đưa ra các quy định; ra khỏi phòng tắt các thiết bị điện không cần thiết...

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Luôn quan tâm chăm lo cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Trang bị hệ thống thông gió cho nhà xưởng, cải tạo hệ thống nhà vệ sinh, cải tạo nhà ăn.
 - Luôn đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập bình quân 15trđ/người/tháng.
 - Thực hiện đóng bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
 - Thực hiện đúng các quy định về trang cấp bảo hộ lao động cho người lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.
- Công ty luôn phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi Công ty đặt trụ sở đảm bảo vấn đề an ninh trật tự và an toàn giao thông, tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào khuyến học, ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2023 Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: tình hình suy thoái kinh tế và cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài và trong cùng hệ thống nhà cung cấp cho các công ty lớn; các khách hàng lớn yêu cầu giảm giá bán... đứng trước tình hình khó khăn, Ban điều hành công ty đã đề ra rất nhiều giải pháp nhằm tiết giảm chi phí: cải tiến công đoạn nhằm nâng cao năng suất chất lượng, đưa ra nhiều giải pháp quản lý vật tư chính, phụ liệu, văn phòng phẩm nhằm quản lý chặt chẽ trong khâu sử dụng và tái sử dụng, các loại bao bì, thùng đựng cũng được quản lý chặt chẽ tránh thất thoát, giảm chi phí để đảm bảo duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra nhằm đáp ứng cam kết bảo vệ môi trường, không xả thải nguy hại ra môi trường xung quanh, Công ty đã duy trì hệ thống xả thải đáp ứng kiểm soát lưu lượng xả thải 200 m³/ngày đêm.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành công ty
 - Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty, đã tổ chức triển khai nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị. Đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành.
 - Đề nghị Ban điều hành tăng cường hơn nữa công tác đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận để đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD trong tương lai.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.
 - Tập trung nguồn lực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm mới hướng tới ngành công nghiệp ô tô và các thiết bị điện tử có hàm lượng giá trị cao cung cấp cho các hãng lớn, nhằm duy trì và phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới.
 - Tiếp tục đầu tư thay thế MMTB, đầu tư bổ sung tay máy để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
 - Hướng tới tin học hóa công tác quản lý doanh nghiệp bằng việc triển khai phần mềm quản lý khuôn mẫu, phần mềm quản lý dự án, phần mềm QA code nhằm nâng cao hệ

thống quản trị của Công ty và giảm thiểu lao động thủ công, tích hợp được hệ thống thống kê sản xuất linh hoạt, chính xác.

- Chủ động phân tích diễn biến thị trường để đề ra các quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đáp ứng mục tiêu.
- Xây dựng kế hoạch triển khai để đưa Công ty cổ phần Nhựa Hà nội thành Tổng công ty với quy mô lớn hơn và đa dạng loại hình sản phẩm hơn nữa.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: *Danh sách TV HĐQT, tỷ lệ sở hữu CP, nêu rõ thành viên độc lập và các TV khác, số lượng, chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý của từng thành viên.*

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Chức danh quản lý	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT	-	0	0%
2	Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT	Tổng giám đốc đến ngày 09/10/2023	40.026	0,055%
3	CHO YOON	TV HĐQT độc lập từ 21/4/2023	-	0	0%
4	Hòa Thị Thu Hà	TV HĐQT không điều hành	-	0	0%
5	Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT từ 8/12/2021	Phó Tổng giám đốc	4.400	0,006%

- b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Công ty chưa thành lập Tiểu ban

- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: *Đánh giá hoạt động của HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp, nội dung và kết quả các cuộc họp*

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua	Kết quả
1	51/2023/NQ-HĐQT	09/02/2023	Thông qua giao dịch với các bên liên quan trong năm 2023	Nhất trí 100%
2	19/2023/NQ-HĐQT	30/01/2023	Thông qua việc nhận chuyển nhượng 3.100.000 CP PBAT	Nhất trí 100%
3	68/2023/NQ-HĐQT	02/03/2023	Về việc triệu tập ĐHĐCĐ TN năm 2023	Nhất trí 100%
4	118/2023/NQ-	28/03/2023	Thông qua việc cho Công ty	Nhất trí 100%

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua	Kết quả
	HDQT		TNHH An Trung Industries (Công ty do HPC đầu tư 100% vốn) vay vốn phục vụ HD SXKD	
5	124/2023/NQ-HDQT	31/03/2023	Về thời gian tổ chức ĐHDGD TN năm 2023	Nhất trí 100%
6	147/2023/NQ-HDQT	10/04/2023	Thông qua việc xin ý kiến CB miễn nhiệm TV HDQT	Nhất trí 100%
7	177/2023/NQ-HDQT	21/04/2023	Thông qua việc phân công nhiệm vụ TV HDQT	Nhất trí 100%
8	174/2023/NQ-HDQT	21/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm chủ tịch HDQT	Nhất trí 100%
9	175/2023/NQ-HDQT	21/04/2023	Về việc thay đổi Người đại diện pháp luật	Nhất trí 100%
10	176/2023/NQ-HDQT	21/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc - Ms. Giang	Nhất trí 100%
11	178/2023/NQ-HDQT	21/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng - Mr. Tuấn	Nhất trí 100%
12	243/2023/NQ-HDQT	01/06/2023	Thông qua việc chia cổ tức năm 2022 bằng tiền	Nhất trí 100%
13	240/2023/NQ-HDQT	01/06/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc - Mr. Thụ	Nhất trí 100%
14	241/2023/NQ-HDQT	01/06/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Người quản trị công ty Mr. Tâm, Người được ủy quyền CBTT Ms. Giang	Nhất trí 100%
15	264/2023/NQ-HDQT	15/06/2023	Thông qua việc nhận chuyển nhượng 1.610.000 CP PBAT	Nhất trí 100%
16	294/2023/NQ-HDQT	30/06/2023	Thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC 2023	Nhất trí 100%
17	312/2023/NQ-HDQT	10/07/2023	Thông qua việc bổ nhiệm ông Ngô Văn Thụ - PTGD Thường trực Công ty CP Nhựa HN	Nhất trí 100%
18	500/2023/NQ-HDQT	10/10/2023	Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm TV HDQT của ông Bùi Thanh Nam	Nhất trí 100%
19	501/2023/NQ-HDQT	10/10/2023	Thông qua việc nhiệm TGD Bùi Thanh Nam	Nhất trí 100%

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua	Kết quả
20	503/2023/NQ-HDQT	10/10/2023	Thông qua việc Bỏ nhiệm ông Ngô Văn Thụ - TGD Công ty CP Nhựa Hà Nội	Nhất trí 100%
21	504/2023/NQ-HDQT	10/10/2023	Thông qua việc thay đổi người đại diện PL của Công ty CP Nhựa Hà Nội	Nhất trí 100%
22	602/2023/NQ-HDQT	29/12/2023	Thông qua việc miễn nhiệm PTGD Phạm Thị Thanh Hiền	Nhất trí 100%
23	603/2023/NQ-HDQT	29/12/2023	Thông qua việc bổ nhiệm PTGD Lâm Thị Hiền	Nhất trí 100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch theo đúng định hướng chiến lược do ĐHCĐ đề ra, thực hiện đúng vai trò trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc tìm kiếm phát triển thị trường, đầu tư đổi mới công nghệ nên đã góp phần giúp công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2023.

- Hoạt động của các tiểu ban: Công ty không thành lập Tiểu ban nên không có hoạt động của các Tiểu ban.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

- Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

+ Hội nghị phổ biến các sai sót khi lập và trình bày BCTC của các công ty đại chúng, công ty niêm yết nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên thị trường chứng khoán.

+ Hội thảo triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2024.

+ Tham gia các khóa đào tạo cập nhật văn bản pháp luật do Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Danh sách, tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP
3	Trần Hoa Tùng	Trưởng ban BKS	0	0

4	Bùi Văn Hương	TV BKS	0	0
5	Tạ Phúc Tâm	TV BKS	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao. Các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

Thu nhập của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2023

DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương và các khoản có tính chất lương năm 2023	Tiền thù lao năm 2023	Tổng thu nhập
1	Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT đến ngày 20/4/2023	616.432.769	40.000.000	656.432.769
2	Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT từ ngày 21/4/2023	0	80.000.000	80.000.000
3	Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT/TGD đến ngày 10/10/2023	1.402.911.700	60.000.000	1.462.911.700
4	Hòa Thị Thu Hà	TV HĐQT không điều hành	0	72.000.000	72.000.000
5	Kim Ki Min	TV HĐQT độc lập bổ nhiệm 27/4/2021 miễn nhiệm ngày 21/4/2023	0	24.000.000	24.000.000
6	Cho Yoon	TV HĐQT độc lập bổ nhiệm 21/4/2023	0	48.000.000	48.000.000
7	Đỗ Thị Hương Giang	TV HĐQT điều hành bổ nhiệm 08/12/2021/ Phó tổng giám đốc bổ nhiệm	881.078.100	72.000.000	953.078.100

		ngày 21/4/2023			
8	Phạm Thị Thanh Hiền	Phó TGD đến ngày 31/12/2023	806.881.400	0	806.881.400
9	Trần Hoa Tùng	Trưởng ban BKS	110.694.000	60.000.000	170.694.000
10	Bùi Văn Hương	TV BKS	0	30.000.000	30.000.000
11	Tạ Phúc Tâm	TV BKS	128.640.500	36.000.000	164.640.500

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: *TV HĐQT, BKS, TGD, PTGD, KTT, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng trên.*

- Từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/03/2023 Ông Bùi Minh Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thực hiện giao dịch bán 1.000.000 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch là 0 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0%.
- Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 16/11/2023 Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings (cổ đông lớn của NHH) thực hiện giao dịch bán 5.000.000 CP nâng số lượng CP nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 15.160.308 CP, tỷ lệ sở hữu là 20,8%.

c) Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có giao dịch

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo đúng quy định pháp luật

VI. BẢO CÁO TÀI CHÍNH:

- BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán (đính kèm)
- BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán: vui lòng xem website: hanoiplastic.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Văn Thọ

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1-2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xi nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 11 số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	
Ông Cho Yoon	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Kim Ki Min	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng ban
Ông Bùi Văn Hương	Thành viên
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2023
Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2023
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm như sau:

- ▶ Cho giai đoạn đến ngày 21 tháng 4 năm 2023 là ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc và ông Bùi Minh Hải – Chủ tịch Hội đồng Quản trị,
- ▶ Từ ngày 21 tháng 4 năm 2023 đến ngày 10 tháng 10 năm 2023 là ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc và ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và,
- ▶ Từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày báo cáo lập này là ông Ngô Văn Thụ - Tổng Giám đốc và ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Đỗ Thị Hương Giang được ông Ngô Văn Thụ ủy quyền ký báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 43/2024/HPC-UQ ngày 2 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm như sau:

- ▶ Cho giai đoạn đến ngày 21 tháng 4 năm 2023 là ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc và ông Bùi Minh Hải – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- ▶ Từ ngày 21 tháng 4 năm 2023 đến ngày 10 tháng 10 năm 2023 là ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc và ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và.
- ▶ Từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày báo cáo lập này là ông Ngô Văn Thu - Tổng Giám đốc và ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Đỗ Thị Hương Giang được ông Ngô Văn Thu ủy quyền ký báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 43/2024/HPC-UQ ngày 2 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12824744/00923432-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2023-004-1

Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B01-DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		833.749.782.499	1.258.538.093.367
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	68.340.657.663	357.140.742.117
111	1. Tiền		50.790.857.663	70.490.742.117
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.550.000.000	286.650.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	200.192.000.000	28.205.928.767
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.192.000.000	28.205.928.767
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		294.940.405.706	445.052.201.900
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	225.698.917.511	350.602.580.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	32.932.283.075	41.801.081.260
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	7.000.000.000	17.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	30.912.057.096	35.348.540.457
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(1.602.851.976)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	230.582.555.144	366.595.376.460
141	1. Hàng tồn kho		233.247.299.858	371.226.779.767
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.664.744.712)	(4.631.403.307)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.694.163.988	61.543.844.123
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	16.202.600.873	24.512.130.307
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		23.475.961.971	35.997.886.662
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		15.581.142	33.827.164
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.242.880.047.090	1.128.216.248.066
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.357.993.671	8.917.294.434
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	3.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	5.357.993.671	5.917.294.434
220	II. Tài sản cố định		798.732.153.906	836.720.493.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	723.455.209.424	707.433.191.596
222	Nguyên giá		1.508.242.011.291	1.377.636.244.532
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(784.786.741.867)	(670.205.052.936)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	68.631.827.666	123.223.969.040
225	Nguyên giá		80.861.261.482	159.473.454.987
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.229.433.796)	(36.249.485.947)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	6.645.056.816	6.063.332.498
228	Nguyên giá		16.211.789.411	13.958.789.411
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.566.732.595)	(7.895.456.913)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.908.054.472	15.085.087.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	1.908.054.472	15.085.087.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		299.132.386.348	123.130.059.932
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	182.778.073.609	123.130.059.932
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16	116.354.312.739	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		137.748.858.693	144.362.313.021
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	137.478.250.500	143.010.063.596
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	74.800.987	373.213.390
269	3. Lợi thế thương mại	18	195.807.208	979.036.035
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.076.629.829.589	2.386.753.341.433

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		703.411.896.251	1.005.038.661.132
310	I. Nợ ngắn hạn		666.286.577.823	937.838.904.471
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	126.460.714.750	277.697.540.107
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	20.890.314.563	52.682.868.348
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	9.478.493.821	19.629.876.277
314	4. Phải trả người lao động		22.163.048.875	25.483.266.458
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	24.260.845.667	4.472.340.224
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.000.154.598	3.151.345.460
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	448.650.974.237	542.066.088.185
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	12.384.031.512	12.635.579.412
330	II. Nợ dài hạn		37.125.318.428	147.199.756.661
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	3.648.899.058
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	37.125.318.428	143.550.857.605
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.373.217.933.338	1.301.714.680.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.373.217.933.338	1.301.714.680.301
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		728.800.000.000	728.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		728.800.000.000	728.800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		327.962.683.602	327.962.683.602
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.417.059.302	13.417.059.302
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.045.243.670	231.331.708.888
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		184.891.708.688	119.424.803.484
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		94.153.534.982	111.906.905.204
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		23.992.946.764	203.228.709
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.076.629.829.589	2.386.753.341.433

Người lập
Đỗ Anh Tuấn

Kế toán trưởng
Phạm Thị Ngà

Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.040.961.680.650	2.388.781.240.988
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(1.676.922.497)	(5.616.792.260)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.039.284.758.153	2.383.164.448.728
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.736.658.116.472)	(1.969.409.126.016)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		302.626.641.681	413.755.322.712
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	36.259.307.014	48.862.239.093
22	7. Chi phí tài chính	29	(50.164.360.653)	(59.771.713.062)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	29	(45.942.326.390)	(43.547.184.624)
24	8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	16	(6.486.986.323)	10.059.932
25	9. Chi phí bán hàng	30	(92.582.404.275)	(189.138.546.368)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(73.691.545.890)	(68.589.806.805)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.070.651.554	146.127.555.502
31	12. Thu nhập khác	30	5.088.405.237	3.568.559.261
32	13. Chi phí khác	30	(1.615.814.325)	(4.389.430.557)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	30	3.472.590.912	(820.871.296)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		120.543.242.466	145.306.684.206
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(24.001.577.026)	(32.927.573.756)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(298.412.403)	(453.074.445)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		96.243.253.037	111.926.036.003
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		95.126.012.037	111.906.195.632
62	20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát		1.117.241.000	19.840.371

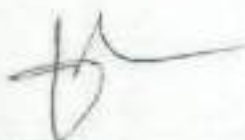
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1.305	1.770
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	1.305	1.770



Người lập
Đỗ Anh Tuấn



Kế toán trưởng
Phạm Thị Ngà



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		120.543.242.466	145.306.684.206
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, hao mòn tài sản cố định vô hình, phân bổ tiền thuê đất trả trước và phân bổ lợi thế thương mại		110.772.493.394	110.589.787.441
03	(Hoàn nhập dự phòng)/ các khoản dự phòng		(363.806.619)	1.193.048.064
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(450.056.885)	(182.448.736)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.407.367.201)	(27.894.729.075)
06	Chi phí lãi vay	25	45.942.326.390	43.547.184.624
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		255.036.831.566	272.559.526.524
09	Giảm(tăng) các khoản phải thu		189.363.608.374	(59.123.174.681)
10	Giảm(tăng) hàng tồn kho		137.979.479.911	(35.392.582.172)
11	Giảm các khoản phải trả		(183.479.626.480)	(40.327.594.948)
12	Giảm(tăng) chi phí trả trước		10.328.511.370	(4.291.267.258)
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.196.944.418)	(43.471.741.972)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.032.922.912)	(25.993.921.554)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.251.547.900)	(13.744.292.462)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		317.747.389.510	50.214.951.467
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(48.578.902.991)	(55.772.836.886)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.349.410.170	712.227.273
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(426.212.477.263)	(332.233.928.767)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		142.705.928.767	283.528.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(65.135.000.000)	(124.520.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		21.700.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.139.830.691	23.899.785.505
330	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(358.031.210.636)	(204.386.752.675)

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	546.495.958.473
33	Tiền thu từ đi vay		1.112.681.371.857	878.929.593.702
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.289.127.485.245)	(979.812.623.036)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(36.099.257.738)	(23.924.713.312)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.433.000.000)	(1.200.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(248.978.371.126)	421.687.015.827
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(289.262.192.252)	267.515.214.619
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		357.140.742.117	88.932.954.794
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		452.107.798	692.572.704
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	68.340.657.663	357.140.742.117

Đỗ Anh Tuấn

Người lập
Đỗ Anh Tuấn

Phạm Thị Nga

Kế toán trưởng
Phạm Thị Nga



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xi nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 11 số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.604 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.766 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4 công ty con (31 tháng 12 năm 2022: 4 công ty con) với thông tin cụ thể như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM (Công ty Vlexim)	100%	100%	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
2	Công ty TNHH An Trung Industries (Công ty An Trung)	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hóa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam (Công ty VMC)	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hóa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
4	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (Công ty An Cường)	94,86%	94,86%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hóa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

Công ty có một công ty liên kết như được trình bày tại *Thuyết minh số 15*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kì với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuế tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất giữa Công ty với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và với Ban Quản lý Khu Công nghiệp Công nghệ cao An Phát. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chung khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chung khoản kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cộng nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức má tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và chu năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

11/2023
100
4/21
10/1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa và các sản phẩm phụ trợ liên quan. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên khu vực địa lý của việc bán hàng.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	157.757.768	585.129.021
Tiền gửi ngân hàng	50.632.899.895	69.905.613.098
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	17.550.000.000	286.650.000.000
TỔNG CỘNG	68.340.657.663	357.140.742.117

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 3,3 – 4,6%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 4,5 – 6,5%/năm).

Một số khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Nhóm Công ty đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3 – 9,5%/năm (31 tháng 12 năm 2022: 4,5 – 8,7%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	225.697.634.693	348.869.487.904
- Công ty TNHH Honda Việt Nam	77.464.116.736	100.758.614.828
- Công ty TNHH Competition Team Technology (Việt Nam)	24.896.583.072	35.747.520.799
- Các khoản phải thu khách hàng khác	123.336.934.885	212.363.352.277
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.282.818	1.733.092.289
TỔNG CỘNG	225.698.917.511	350.602.580.193

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (1.183.057.476) -

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.183.057.476)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	(1.183.057.476)	-

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Flooring Industries Limited Sarl	24.738.636.689	22.987.504.533
Các khoản trả trước khác	7.947.428.954	18.308.398.145
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	246.217.432	305.178.572
TỔNG CỘNG	32.932.283.075	41.601.081.250

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay đối tượng khác	-	-	2.300.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 34) (*)	7.000.000.000	-	15.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	7.000.000.000	-	17.500.000.000	-

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản cho bên liên quan vay với kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 6,5% năm (tại 31 tháng 12 năm 2022: từ 8% đến 8,01%/năm).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Đặt cọc, ký quỹ (*)	4.811.923.657	-	27.407.249.407	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	14.938.625.434	-	5.213.764.589	-
Phải thu ngắn hạn khác	11.161.508.005	(419.794.500)	2.727.526.453	-
TỔNG CỘNG	30.912.057.096	(419.794.500)	35.348.540.457	-
Trong đó:				
Phải thu khác từ bên khác	21.313.915.450	(419.794.500)	34.645.315.433	-
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)	9.598.141.646	-	703.225.024	-
Dài hạn				
Đặt cọc, ký quỹ	5.357.993.671	-	5.917.294.434	-
TỔNG CỘNG	5.357.993.671	-	5.917.294.434	-

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ ở ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty VMC và Công ty An Trung – các công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Linh Phụng	1.690.082.108	507.024.632	1.690.082.108	1.690.082.108
Công ty TNHH Cơ điện tử Bách Khoa	1.399.315.000	979.520.500	1.399.315.000	1.399.315.000
TỔNG CỘNG	3.089.397.108	1.486.545.132	3.089.397.108	3.089.397.108

10. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.854.927.825	-	7.094.828.973	-
Nguyên liệu, vật liệu	110.819.487.264	-	161.057.175.953	-
Công cụ, dụng cụ	9.170.699.576	-	39.100.203.768	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.999.085.832	-	98.819.320.129	-
Thành phẩm	60.251.021.462	(2.654.744.712)	62.998.848.000	(4.631.403.307)
Hàng hóa	352.077.897	-	2.156.402.944	-
TỔNG CỘNG	233.247.299.856	(2.654.744.712)	371.226.779.767	(4.631.403.307)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.631.403.307	3.438.355.243
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	314.574.331	2.454.111.360
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(2.281.232.926)	(1.261.063.296)
Số cuối năm	<u>2.654.744.712</u>	<u>4.631.403.307</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DMHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số đầu năm	347.413.612,100	671.710.114,138	51.794.390,557	6.720.427,737	1.377.638.244,532
- Mua trong năm	142.387,273	25.598.000,152	9.897.369,350	577.277,773	36.215.114,558
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.291.939,893	9.947.696,876	-	-	17.239.636,869
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.924.430,515)	(1.342.595,926)	(68.550,010)	(15.338.576,441)
- Phân loại từ thuế tài chính	-	92.485,591,573	-	-	92.485,591,573
Số cuối năm	354.847.939,366	1.085.617,052,434	60.349,183,961	7.227,655,510	1.508.242.011,281
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	63.610.914,481	364.568.233,720	23.245.724,930	4.378.659,410	475.503.542,541
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	128.012.125,035	595.501.672,787	31.340.816,984	5.350.438,150	670.205.052,936
- Khấu hao trong năm	12.080.042,570	75.897.786,188	3.159.532,768	370.533,777	91.557.965,403
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.958.918,395)	(1.236.709,666)	(49.051,596)	(14.242.679,649)
- Phân loại từ thuế tài chính	-	37.268,372,177	-	-	37.268,372,177
Số cuối năm	140.102.167,705	605.708,912,747	33.303.741,084	5.671.920,331	784.786.741,857
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	219.401.487,065	466.208.441,371	20.453.573,573	1.369.888,687	707.433.191,595
Số cuối năm	214.745.771,661	480.108.139,687	27.045.422,887	1.555.935,179	723.455.269,424
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố thế chấp	163.552.797,419	282.021,291,319	1.360,118,271	-	446.944.207,009

Một số tài sản có định đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày lại Thuyết minh số 24.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	158.573.454.987	900.000.000	159.473.454.987
- Thuê trong năm	13.990.898.148	-	13.990.898.148
- Giảm khác	(117.500.000)	-	(117.500.000)
- Phân loại sang tài sản cố định	(92.485.591.673)	-	(92.485.591.673)
Số cuối năm	79.981.261.482	900.000.000	80.881.261.482
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	36.140.869.280	108.616.667	36.249.485.947
- Khấu hao trong năm	13.157.162.320	90.000.000	13.247.162.320
- Giảm khác	(842.294)	-	(842.294)
- Phân loại sang tài sản cố định	(37.266.372.177)	-	(37.266.372.177)
Số cuối năm	12.030.817.129	198.616.667	12.229.433.796
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	122.432.585.707	791.383.333	123.223.969.040
Số cuối năm	67.930.444.333	701.383.333	68.631.827.666

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	13.958.789.411
- Mua trong năm	2.253.000.000
Số cuối năm	16.211.789.411
Trong đó:	
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.081.225.711
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	7.695.456.913
- Hao mòn trong năm	1.671.275.682
Số cuối năm	9.366.732.595
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	6.063.332.498
Số cuối năm	6.845.056.816

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm máy móc thiết bị	1.037.334.834	9.722.820.622
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	871.319.638	5.362.266.923
TỔNG CỘNG	1.908.654.472	15.085.087.545

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Ngày 31 tháng	Ngày 31 tháng	Địa chỉ	Hoạt động chính
	12 năm 2023	12 năm 2022		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)		
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	39,02	23,11	Lô CN5-04 Khu Phì thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa Sản xuất, mua bán bao bì và các sản phẩm nhựa khác

Chi tiết giá trị khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát
Giá trị đầu tư	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	123.120.000.000
- Tăng giá trị đầu tư	65.135.000.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	188.255.000.000
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	10.059.932
- Phần lỗ từ công ty liên kết	(5.486.986.323)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(5.476.926.391)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	123.130.059.932
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	182.778.073.609

16. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản nhận chuyển nhượng trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát 1 - Công ty cùng tập đoàn An Phát từ một đối tác doanh nghiệp. Các khoản trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm, đáo hạn từ ngày 18 tháng 7 năm 2026 tới ngày 29 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 11%/năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.888.301.988	12.384.571.189
Phí bảo hộ lao động	2.409.201.294	7.470.570.301
Phí bảo hiểm	702.025.947	616.361.600
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.203.071.644	4.040.627.217
TỔNG CỘNG	16.202.600.873	24.512.130.307
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	114.308.535.515	117.821.366.675
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.752.856.525	18.281.002.644
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	2.192.438.752	633.447.966
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.224.419.708	6.274.246.311
TỔNG CỘNG	137.478.250.500	143.010.063.596

18. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND	
	Công ty An Trung	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		3.916.144.144
Số cuối năm		3.916.144.144
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		2.937.108.109
- Phân bổ trong năm		783.228.829
Số cuối năm		3.720.336.938
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		979.036.035
Số cuối năm		195.807.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

19.1. Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	116.166.078.394	116.166.078.394	145.379.746.897	145.379.746.897
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	13.404.373.775	13.404.373.775	13.782.084.374	13.782.084.374
- Phải trả người bán khác	102.761.704.618	102.761.704.618	131.597.662.523	131.597.662.523
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	10.294.636.356	10.294.636.356	132.317.793.210	132.317.793.210
TỔNG CỘNG	126.460.714.750	126.460.714.750	277.697.540.107	277.697.540.107

19.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh VINFAST	11.575.135.169	42.311.416.532
Công ty TNHH MTV Sản xuất khuôn Chu Lai Trường Hải	3.507.020.000	-
Các đối tượng khác	5.430.784.852	10.371.451.816
Trả tiền trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 34a)	377.374.542	-
TỔNG CỘNG	20.890.314.563	52.682.868.348

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.251.907.380	24.001.577.026	(35.032.922.912)	6.220.561.494
Thuế giá trị gia tăng	1.632.376.907	64.408.518.420	(65.704.317.572)	534.577.755
Thuế thu nhập cá nhân	543.352.310	2.480.040.447	(2.879.039.129)	144.353.628
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.074.314.564	(1.925.833.180)	148.681.384
Thuế, phí khác	2.239.680	5.292.428.670	(2.886.348.990)	2.428.319.360
TỔNG CỘNG	19.629.876.277	98.254.879.127	(108.408.261.783)	9.476.493.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thường	18.985.964.177	2.069.751.000
Chi phí bán quyền	1.850.880.094	-
Chi phí vận chuyển	1.247.500.000	-
Chi phí lãi vay	1.023.340.320	1.348.179.716
Chi phí phải trả khác	1.353.161.076	1.064.409.508
TỔNG CỘNG	<u>24.260.845.667</u>	<u>4.472.340.224</u>

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác	329.610.534	1.926.725.133
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.570.544.054	1.224.620.327
TỔNG CỘNG	<u>2.000.154.598</u>	<u>3.151.345.460</u>

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.635.579.412	16.379.871.874
- Trích lập trong năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Sử dụng trong năm	(10.251.547.900)	(13.744.292.462)
Số cuối năm	<u>12.384.031.512</u>	<u>12.635.579.412</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn							
Vay ngân hàng	24.1	506.212.941.349	1.274.542.228.636	(1.393.008.954.359)	(85.219.141)	367.660.894.465	387.630.994.485
Vay dài hạn đến hạn trả	24.2	10.393.125.464	15.448.899.464	(10.393.125.464)	-	15.448.899.464	15.448.899.464
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	24.3	25.480.021.372	24.912.210.468	(53.872.151.553)	-	16.520.050.268	16.520.080.268
Vay đối tượng khác		-	96.000.000.000	(96.000.000.000)	-	-	-
Vay ngắn hạn các bên liên quan	34	-	69.000.000.000	(69.000.000.000)	-	29.000.000.000	29.000.000.000
TỔNG CỘNG		542.086.088.185	1.478.904.336.568	(1.572.274.231.376)	(65.219.141)	448.650.974.237	448.650.974.237
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn							
Vay ngân hàng	24.2	112.702.715.060	-	(92.036.159.564)	-	20.066.555.426	20.666.555.426
Nợ thuế tài chính	24.3	30.848.142.515	12.745.900.296	(27.135.279.609)	-	16.458.783.002	16.458.783.002
TỔNG CỘNG		143.550.857.575	12.745.900.296	(119.171.439.473)	-	37.125.318.428	37.125.318.428

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 2,6% đến 7%/năm. Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn cho vay	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	USD		
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	119.771.816.488		Kỳ hạn vay 1 - 9 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 9 tháng 9 năm 2024	Tin chấp và thế chấp (*)
	142.124.400	5.820	Kỳ hạn vay 6 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 3 năm 2024	Thế chấp (*)
Ngân hàng TNHH MỘT thành viên HSBC Việt Nam	84.183.077.909		Kỳ hạn vay 6 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 4 năm 2024	Thế chấp (*)
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	63.646.026.202		Kỳ hạn vay 3 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 3 năm 2024	Tin chấp
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank	54.236.266.933		Kỳ hạn vay 1-3 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2024	Tin chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	38.808.529.841		Kỳ hạn vay 4 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 11 tháng 4 năm 2024	Thế chấp (*)
	19.773.264.720	809.716	Kỳ hạn vay 6 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 6 tháng 5 năm 2024	Thế chấp (*)
Ngân hàng TMCP A Châu	7.057.667.992		Kỳ hạn vay 6 tháng; lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 6 tháng 5 năm 2024	Thế chấp (*)
TỔNG CỘNG	387.680.994.485			

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BC9-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

(*) Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thể chấp bằng:

- Tiền kỳ quỹ, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ phương án cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại, bao gồm vốn vay, LC do các ngân hàng thương mại phát hành, nghĩa vụ được các ngân hàng thương mại bảo lãnh;
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN160258/DUL và các bản sửa đổi (nếu có) của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh với giá trị ít nhất 30% tổng dư nợ gốc của Công ty tại từng thời điểm và các khoản kỳ quỹ, kỳ được được trình bày theo Thuyết minh số 8;
- Tài sản là 1.525.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings do Công ty TNHH IGG USA Việt Nam nắm giữ theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 01/23/TC/VCB.HGM-ACBM ngày 20 tháng 3 năm 2023;
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số PU/22-18 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Công ty VMC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với giá trị ít nhất 100% tổng dư nợ gốc của Công ty tại từng thời điểm và các khoản kỳ quỹ;
- Nhà xưởng sản xuất A7 và A8 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh tại Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát; và
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN160888/DUL và các bản sửa đổi (nếu có) của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN160889/DUL và các bản sửa đổi (nếu có) của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với giá trị ít nhất 30% tổng dư nợ gốc của Công ty tại từng thời điểm và các khoản kỳ quỹ, kỳ được được trình bày theo Thuyết minh số 8.

WVC 1/1/2024

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay dài hạn ngân hàng theo các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 8,05% đến 11,5%/năm. Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	23.326.363.200	Kỳ hạn vay 60 tháng, gốc vay trả hàng quý, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước đảo hạn ngày 24 tháng 3 năm 2025	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của 2 lô đất tại Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát và tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay này
	7.968.533.000	Kỳ hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân, gốc vay trả hàng quý, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đảo hạn ngày 26 tháng 5 năm 2025	Máy móc thiết bị Bất động sản/Giấy tờ có giá thuộc sở hữu của Công ty có giá trị đảm bảo tương ứng 30% tổng dư nợ tín dụng tối đa mà Ngân hàng cấp
Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam	4.821.558.690	Kỳ hạn vay 60 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2027	Các tài sản cố định hữu hình đóng để thế chấp được bán giao theo biên bản bán giao ngày 29 tháng 3 năm 2022 như được trình bày tại <i>Thuyết minh số 11</i>
TỔNG CỘNG	36.116.454.890		
Trong đó:			
- Vay dài hạn đến hạn trả	15.449.899.464		
- Vay dài hạn	20.666.555.426		

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BCS-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 Nợ thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính. Chi tiết nợ thuế tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Khoản mục	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND
Các khoản nợ thuế tài chính	32.978.843.290	Kỳ hạn vay từ 23 - 60 tháng, gốc và lãi vay trả hàng tháng. Khả ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 4 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng.	6,7% - 11,6%
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.520.080.288		
Nợ dài hạn	16.458.763.002		

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Nợ thuế tài chính ngắn hạn Từ 1 năm trở xuống	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu		
						Lãi thuế tài chính
	19.273.427.003	2.753.346.715	16.520.080.288	30.281.108.266	4.801.086.894	25.480.021.372
	18.287.514.446	1.628.751.444	16.458.763.002	33.866.958.839	3.038.816.324	30.848.142.515
TỔNG CỘNG	37.560.941.449	4.382.098.159	32.978.843.290	64.166.067.105	7.839.903.218	56.328.163.887

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành			Thặng dư vốn cổ phần	Quy định từ phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm	Tăng vốn	Loại trừ					
364.400.000.000	145.866.725.129	13.417.059.302	129.424.803.484	1.584.097.910	694.692.665.825			
394.400.000.000	182.095.859.473	-	-	-	543.495.859.473			
-	-	-	111.906.185.532	19.840.371	111.926.036.003			
-	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)			
-	-	-	700.572	(1.400.706.572)	(1.400.000.000)			
728.600.000.000	327.962.693.602	13.417.059.302	231.331.708.688	203.223.709	1.301.714.680.301			
728.600.000.000	327.962.693.602	13.417.059.302	231.331.708.688	203.223.709	1.301.714.680.301			
-	-	-	95.126.012.037	1.117.241.000	98.243.253.037			
-	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)			
-	-	-	(38.440.000.000)	-	(38.440.000.000)			
-	-	-	(972.477.055)	22.872.477.055	21.700.000.000			
728.600.000.000	327.962.693.602	13.417.059.302	279.045.243.670	23.962.946.764	1.373.217.933.338			

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 172/2023/NQ-DH/ĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, Công ty đã được phê duyệt phương án chia cổ tức với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

(**) Đây là thay đổi do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con là Công ty An Cường trong năm từ 99,95% xuống 94,86%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (*)	151.603.080.000	151.603.080.000	-	201.603.080.000	201.603.080.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	345.725.140.000	345.725.140.000	-	345.725.140.000	345.725.140.000	-
Cổ đông khác	231.471.780.000	231.471.780.000	-	181.471.780.000	181.471.780.000	-
TỔNG CỘNG	728.800.000.000	728.800.000.000	-	728.800.000.000	728.800.000.000	-

(*) Trong tháng 11 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings đã bán 5.000.000 cổ phần của Công ty thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương giảm tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 6,66% với tổng giá trị theo mệnh giá 50 tỷ VND.

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	728.800.000.000	364.400.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	364.400.000.000
Số cuối năm	<u>728.800.000.000</u>	<u>728.800.000.000</u>

25.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2022 (5%/vốn điều lệ)	36.440.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm		
Cổ tức cho năm 2021	-	1.200.000
Cổ tức cho năm 2022	36.433.000.000	-

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu đã phát hành	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu đang lưu hành	72.880.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	72.880.000	72.880.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm 2022: 10.000 VND). Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là NHH.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	1.377.136	905.416

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Nhóm Công ty đã giữ hồ khách hàng một số lượng khuôn nhằm sản xuất sản phẩm nhựa. Do các khuôn giữ hồ thuộc nhiều chủng loại khác nhau, nên Nhóm Công ty không thuyết minh chi tiết số lượng và giá trị của các khuôn giữ hồ này.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.040.961.680.650	2.388.781.240.988
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.000.695.440.164	2.326.969.986.090
Doanh thu bán hàng hóa	27.903.984.243	43.552.191.902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.957.611.952	17.595.828.280
Doanh thu khác	404.644.291	663.234.716
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.676.922.497)	(5.616.792.260)
Chiết khấu thương mại	-	(200.853.000)
Hàng bán bị trả lại	(1.334.621.674)	(1.341.275.174)
Giảm giá hàng bán	(342.300.823)	(4.074.664.086)
Doanh thu thuần	2.039.284.758.153	2.383.164.448.728
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	2.000.200.774.077	2.322.166.446.748
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	26.721.727.833	42.738.938.984
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	11.957.611.952	17.595.828.280
Doanh thu khác	404.644.291	663.234.716
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.012.681.243.557	2.371.333.467.642
Doanh thu đối với bên liên quan	26.603.514.596	11.830.981.086

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.864.891.516	11.338.664.828
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.404.615.498	20.461.174.265
Lãi chuyển nhượng chứng khoán	-	17.062.400.000
TỔNG CỘNG	36.269.307.014	48.862.239.093

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.704.923.354.090	1.917.107.436.074
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.231.461.554	41.360.064.432
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.108.035.912	8.994.825.954
Giá vốn khác (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	361.923.511 (1.988.658.595)	753.631.492 1.193.048.064
TỔNG CỘNG	1.736.658.116.472	1.969.409.126.016

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	45.942.326.390	43.547.184.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.222.034.263	11.961.619.347
Chi phí khác	-	3.262.909.091
TỔNG CỘNG	50.164.360.653	58.771.713.062

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.602.380.748	177.532.048.457
- Chi phí nhân công	5.631.359.876	7.429.033.884
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.076.989	631.611.725
- Chi phí khác	5.805.586.662	3.545.652.302
TỔNG CỘNG	92.582.404.275	189.138.546.368
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	45.362.274.187	45.140.963.362
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.018.263.082	9.528.670.621
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.787.376.892	3.365.280.588
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.907.372.643	2.662.804.274
- Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	500.000.000	400.000.000
- Chi phí khác	6.016.257.086	6.492.087.760
TỔNG CỘNG	73.591.545.890	68.589.806.805

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán bảo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	500.000.000	400.000.000
TỔNG CỘNG	500.000.000	400.000.000

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.088.405.237	3.568.659.261
Tiền phạt hợp đồng thu được	2.071.101.817	585.612.605
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.107.829.043	322.227.273
Khác	909.474.377	2.660.819.383
Chi phí khác	1.615.814.325	4.389.430.557
Các khoản phạt hợp đồng	479.344.694	1.874.400.000
Khác	1.136.469.631	2.515.030.557
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẬN	3.472.590.912	(820.871.296)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.107.571.745.305	1.337.523.890.406
Chi phí nhân công	293.594.483.553	316.854.085.375
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính và phân bổ lợi thế thương mại	110.772.493.394	110.589.787.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.253.971.509	390.093.058.074
Chi phí khác	19.796.509.082	18.891.648.410
TỔNG CỘNG	1.825.989.202.843	2.173.952.269.707

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.590.256.993	32.361.931.769
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	411.320.033	565.641.989
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	298.412.403	453.074.445
TỔNG CỘNG	24.299.989.429	33.380.648.203

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.543.242.466	145.306.684.206
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	24.108.648.493	29.061.336.841
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận phát sinh từ khoản lỗ của công ty con	3.685.990.900	-
Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất Lãi(lãi) từ công ty liên kết	1.143.414.777	4.536.569.874
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.097.397.265	(2.011.986)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	924.813.314	-
Chi phí không được khấu trừ	411.320.033	565.641.989
Lợi thế thương mại phân bổ	171.450.808	470.822.835
Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất liên quan đến dự phòng tài chính vào công ty con	156.645.766	156.645.766
Chi phí lãi vay không được khấu trừ từ những năm trước chuyển sang	(3.870.077.768)	-
Các khoản điều chỉnh khác	(3.150.012.144)	(2.302.963.296)
	(379.602.015)	894.606.380
Chi phí thuế TNDN	24.299.989.429	33.380.648.203

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời liên quan đến lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	74.800.987	373.213.390	(298.412.403)	(453.074.445)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(298.412.403)	(453.074.445)

33.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Các công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế dưới đây (31 tháng 12 năm 2022: 0) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
			Không được chuyển lỗ	Không được chuyển lỗ	
2023	2028	18.429.954.500	-	-	18.429.954.500
TỔNG CỘNG		18.429.954.500	-	-	18.429.954.500

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (tiếp theo)

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020:

Các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay được chuyển	Chi phí lãi vay đã chuyển đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chi phí lãi vay không được chuyển tháng 12 năm 2023	Chi phí lãi vay chưa chuyển tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
			(15.750.060.719)	-	-
2020	2025	29.770.003.306	(15.750.060.719)	-	14.020.542.587
2021	2026	4.672.187.507	-	-	4.672.187.507
2023	2028	4.624.066.571	-	-	4.624.066.571
TỔNG CỘNG		39.066.857.384	(15.750.060.719)	-	23.316.796.665

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay vượt ngưỡng chưa được khấu trừ nêu trên do các công ty con chưa dự tính được chắc chắn các chi phí lãi vay này sẽ được khấu trừ trong tương lai hay không tại thời điểm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Nhóm công ty bao gồm công ty mẹ, công ty liên kết và danh sách nhân viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ (*)</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT") (i)
Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT (ii)
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
Ông Cho Yoon	Thành viên HĐQT (i)
Ông Kim Ki Min	Thành viên HĐQT (ii)
Ông Ngô Văn Thu	Tổng Giám đốc (iii)
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Văn Hưởng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

(i) Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

(ii) Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

(iii) Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ	Chi tiền cho vay	85.500.000.000	4.600.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	90.100.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	43.400.000.000	1.400.000.000
		Mua hàng	7.882.178.916	3.090.908.091
		Mua phần mềm PMS	2.000.000.000	-
		Mua tài sản cố định	1.000.000.000	-
		Thu tiền góp vốn	-	181.850.430.000
		Trả gốc vay	-	84.825.000.000
Đi vay	-	70.400.000.000		
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Chi phí mua dịch vụ	61.192.780.097	157.848.431.878
		Trả gốc vay	-	80.000.000.000
		Nhận tiền lại cho vay	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Mua hàng hóa dịch vụ	40.610.033.366	238.886.788.726
		Thu tiền góp vốn	-	274.293.955.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Bán hàng	24.589.769.969	10.382.130.268
		Nhận lại tiền cho vay	22.000.000.000	150.000.000.000
		Mua hàng	15.643.216.326	3.830.376.155
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Đi vay	20.000.000.000	-
		Trả gốc vay	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Đi vay	12.000.000.000	100.000.000.000
		Trả gốc vay	12.000.000.000	100.000.000.000
		Chi tiền cho vay	7.700.000.000	-
		Nhận tại tiền cho vay	700.000.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	7.857.040.162	799.425.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Nhựa Bao Bỉ An Vinh	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Mua hàng hóa dịch vụ Đi vay	3.147.472.505 5.000.000.000	3.032.241.560 -
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong Tập đoàn	Nhận lại tiền cho vay Chi tiền cho vay Mua hàng hóa	13.100.000.000 3.500.000.000 3.078.196.364	- 9.600.000.000 4.713.901
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết trong tập đoàn	Đi vay Trả gốc vay	10.000.000.000 8.000.000.000	- -
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết	Nhận lại tiền cho vay Chi tiền cho vay	4.000.000.000 -	- 4.000.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua và bán hàng hóa, dịch vụ, đi vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các bên và sự biến động của giá cả trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất ấn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong tập đoàn	Bán hàng hóa dịch vụ	575.650	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Bán hàng hóa dịch vụ	361.368	25.311.636
Công ty Cổ phần KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Bán hàng	345.600	-
Công ty Cổ phần An Thành Biscot	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Bán hàng	-	1.304.268.706
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn	Bán hàng	-	403.511.947
TỔNG CỘNG			1.282.618	1.733.092.289
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Mua dịch vụ	246.217.432	305.178.572
TỔNG CỘNG			246.217.432	305.178.572
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất FBAT An Phát	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.600.000.000
TỔNG CỘNG			7.000.000.000	15.200.000.000

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần KCN kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải thu về lãi trái phiếu	9.138.118.355	-
Công ty Cổ phần KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải thu về lãi cho vay	323.246.575	-
Công ty Cổ phần sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết	Phải thu về lãi cho vay	136.776.716	89.375.071
Công ty Cổ phần Antibio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn	Phải thu về lãi cho vay	-	479.999.999
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ	Phải thu về lãi cho vay	-	92.030.685
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải thu khác	-	41.819.289
TỔNG CỘNG			9.598.141.646	703.225.024
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)				
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về dịch vụ cung cấp	6.154.700.311	13.110.666.522
An Thanh Bicsol Singapore PTE., Ltd	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về mua hàng	2.082.537.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết trong tập đoàn	Phải trả về dịch vụ cung cấp	924.554.520	700.078.400
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về dịch vụ cung cấp	699.839.245	496.382.643
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về mua hàng	413.160.000	458.040.000
Công ty Cổ phần An Tiến industries	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về mua hàng	18.645.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Phải trả về mua hàng	1.399.680	117.425.383.021
Các bên liên quan khác		Phải trả về mua hàng và dịch vụ cung cấp	-	127.242.524
TỔNG CỘNG			10.294.636.366	132.317.793.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19.2)				
Công ty TNHH AFC Ecoplastics	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Trả trước tiền mua hàng hóa dịch vụ	377.374.542	-
TỔNG CỘNG			377.374.542	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Các khoản chi hộ	1.670.544.064	1.224.620.327
TỔNG CỘNG			1.670.544.064	1.224.620.327
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24)				
Công ty Cổ phần An Thánh Biscol (*)	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Vay ngắn hạn	22.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)	Công ty cùng tập đoàn An Phát	Vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam (*)	Công ty liên kết trong tập đoàn	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			29.000.000.000	-

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn tín chấp, đáo hạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 3 năm 2024 và chịu lãi suất từ 4%/năm đến 6%/năm.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Thanh Nam (iii)	Thành viên HĐQT	1.462.911.700	1.270.309.700
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	953.078.100	802.536.000
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	806.881.400	531.405.500
Ông Bùi Minh Hải (ii)	Chủ tịch HĐQT	656.432.769	2.088.563.200
Ông Phạm Đỗ Huy Cường (i)	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	-
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Cho Yoon (i)	Thành viên HĐQT	48.000.000	-
Ông Kim Ki Min (ii)	Thành viên HĐQT	24.000.000	72.000.000
TỔNG CỘNG		4.103.303.969	4.836.814.400

(i) Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

(ii) Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

(iii) Miễn nhiệm vị trí Tổng Giám đốc ngày 10 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	365.334.500	400.257.100

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.126.012.037	111.906.195.632
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(10.000.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	95.126.012.037	101.906.195.632
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.880.000	57.563.187
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	72.880.000	57.563.187
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.305	1.770
- Lãi suy giảm	1.305	1.770

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để phản ánh khoản được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 172/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm:

- ▶ Sản xuất, bán và kinh doanh sản phẩm nhựa phụ trợ công nghiệp và các sản phẩm, dịch vụ liên quan; và
- ▶ Sản xuất, bán và kinh doanh sản phẩm nhựa xây dựng và dịch vụ liên quan.

Ngoài ra, Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động kinh doanh trong nước; và
- ▶ Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tham chiếu tới giá với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.



Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Sản xuất, bán và kinh doanh sản phẩm nhựa phụ trợ công nghiệp và các sản phẩm, dịch vụ liên quan	Sản xuất, bán và lĩnh doanh sản phẩm nhựa xây dựng và dịch vụ liên quan	Loại trừ	Tổng cộng
				Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần	1.433.495.351.330	605.789.406.823	-	2.039.284.758.153
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.433.495.351.330	605.789.406.823	-	2.039.284.758.153
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	323.198.725	(323.198.725)	-
Tổng doanh thu	1.433.495.351.330	605.112.605.548	(323.198.725)	2.039.284.758.153
Kết quả	(5.486.986.323)	-	-	(5.486.986.323)
Phần chia từ công ty liên kết	86.468.510.333	44.497.194.860	-	130.965.705.193
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	-	-	-	(10.422.462.727)
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	-	120.543.242.468
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	-	(24.001.577.026)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(238.412.403)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	96.243.263.037
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	-	1.480.529.339.426
Tài sản và công nợ	878.758.071.525	601.771.267.901	-	596.100.490.163
Tài sản bộ phận	-	-	-	2.076.629.829.589
Tài sản không phân bổ	878.758.071.525	601.771.267.901	-	207.135.769.645
Tổng tài sản	177.569.548.896	29.566.220.749	-	496.276.126.606
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	703.411.896.251
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	56.522.216.602
Các thông tin bộ phận khác	44.347.169.023	12.175.047.579	-	110.772.693.394
Chi phí hình thành tài sản cố định	83.583.123.270	27.169.370.124	-	-
Khấu hao	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí không phân bổ vào bộ phận theo lĩnh vực lãnh doanh bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ vào bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm các tài sản phục vụ cho các nhóm sản phẩm và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty, chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu về cho vay, phải thu khác, thuế và các khoản phải thu nhà nước và đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí lãi vay phải trả, vay và nợ thuế tài chính.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.434.830.357.476	604.454.400.677	-	2.039.284.758.153	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	
Tổng doanh thu	1.434.830.357.476	604.454.400.677	-	2.039.284.758.153	
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	625.953.870.678	55.274.015.818	-	681.227.886.496	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.395.401.943.093	
Tổng tài sản	625.953.870.678	55.274.015.818	-	2.078.529.829.589	
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	-	56.522.216.002	
Khấu hao và hao mòn	-	-	-	110.772.493.394	

Tài sản không phân bổ bao gồm toàn bộ các tài sản của Nhóm Công ty phục vụ cho các khu vực địa lý và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty ngoại trừ các khoản phải thu của khách hàng.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BC8-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Sản xuất, bán và kinh doanh sản phẩm nhựa phụ trợ công nghiệp và các sản phẩm, dịch vụ liên quan	Sản xuất, bán và kinh doanh sản phẩm nhựa xây dựng và dịch vụ liên quan	Loại trừ	Tổng cộng
				Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần	1.748.044.602.192	634.119.846.536	-	2.383.164.448.728
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài				
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	13.604.715	151.631.400	(165.636.115)	-
Tổng doanh thu	1.749.058.405.907	634.271.677.936	(165.636.115)	2.383.164.448.728
Kết quả	10.059.932			10.059.932
Phân chia từ công ty liên kết	151.998.121.697	4.037.907.774	-	156.037.029.471
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	-	-	-	(10.730.345.265)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (*)	-	-	-	145.305.684.206
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	-	(32.927.573.758)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(453.074.445)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	111.926.036.003
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	-	-
Tài sản và công nợ	1.161.343.691.967	661.653.214.596	-	1.823.196.906.563
Tài sản bộ phận	-	-	-	563.556.434.870
Tài sản không phân bổ	1.161.343.691.967	661.653.214.596	-	2.386.753.341.433
Tổng tài sản	152.015.446.324	219.607.968.510	-	371.623.414.834
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	713.415.246.298
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	1.085.038.661.132
Các thông tin bộ phận khác	59.705.730.085	3.716.400.819	-	63.422.130.904
Chi phí hình thành tài sản cố định	88.263.194.691	22.326.592.750	-	110.589.787.441
Khấu hao				

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DINHIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí không phân bổ vào bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ vào bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm các tài sản phục vụ cho các nhóm sản phẩm và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty, chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu và cho vay, phải thu khác, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí lãi vay phải trả, vay và nợ thuế tài chính.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Loại trừ	Tổng cộng
				Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.610.217.660.529	772.946.788.199	-	2.383.164.448.728
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.610.217.660.529	772.946.788.199	-	2.383.164.448.728
Các công nợ bộ phận khác	814.243.428.448	114.311.587.189	-	928.555.015.637
Tài sản bộ phận	-	-	-	1.458.198.325.796
Tài sản không phân bổ	814.243.428.448	114.311.587.189	-	2.388.753.341.433
Tổng tài sản	-	-	-	63.422.130.904
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	-	110.589.787.441
Khấu hao và hao mòn	-	-	-	-

Tài sản không phân bổ bao gồm toàn bộ các tài sản của Nhóm Công ty phục vụ cho các khu vực địa lý và được quản lý chung theo chính sách của Nhóm Công ty ngoại trừ các khoản phải thu của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động khi Công ty là bên đi thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất, nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.651.139.907	8.541.668.780
Từ 1 - 5 năm	11.845.468.903	13.396.554.935
Từ 5 năm	1.409.232.000	4.227.696.000
TỔNG CỘNG	18.905.840.810	26.165.919.715


Công ty cũng có các cam kết liên quan đến chi phí quản lý theo các Thỏa thuận đã ký liên quan đến quyền sử dụng đất cho các lô đất ở Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Hải Dương.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Người lập
Đỗ Anh Tuấn



Kế toán trưởng
Phạm Thị Nga



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024